

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 86/2025/HSST

Ngày: 25/03/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Thắm

Bà Phan Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Đào- Kiểm sát viên .

Ngày 25/03/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân thành phố Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2025/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 03 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Hoàng B, sinh ngày 19/10/1995. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Khối 11, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Đoàn thể: Không

Con ông: Trần Minh H1 (Đã chết) và bà Hứa Thị Diệp A, sinh năm 1976

Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Nguyễn Thị Thủy Ngân, sinh năm 1993

Con: Có 03 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: - Năm 2013 bị Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”

- Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 30 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ kể từ ngày 07/01/2025 đến ngày 13/01/2025 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt

*. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh: Đặng Danh H, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú tại: Khối 11, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Anh: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Khối 11, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ ngày 06/6/2024 đến ngày 27/11/2024, Trần Hoàng B dùng số tiền 130.000.000 đồng để cho anh Đặng Danh H, anh Nguyễn Ngọc T vay nhiều lần, thu lợi bất chính số tiền 36.972.603 đồng. Cụ thể như sau:

- Cho anh Đặng Danh H vay 05 lần, mỗi lần 60.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, với lãi suất là 146%/1 năm, thu lợi bất chính số tiền là 31.068.493 đồng.

- Cho anh Nguyễn Ngọc T vay tiền 01 lần 10.000.000 đồng, trong Thời hạn 100 ngày, lãi suất vay 109,5%/ 01 năm đến 146%/01 năm, thu lợi bất chính số tiền là 5.904.110 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận như sau: Vào khoảng giữa năm 2024, Trần Hoàng B được gia đình cho 130.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh nhưng B lại dùng để thực hiện hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Khi có người vay đặt vấn đề vay tiền thì B không yêu cầu người vay pH cầm cố thế chấp tài sản mà sẽ đưa ra mức lãi suất của khoản vay pH đóng từ 3000 đồng đến 4000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất từ 109,5%/năm đến 146%/năm (Cao gấp từ 5,475 lần đến 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định). Để thực hiện hành vi phạm tội, Trần Hoàng B sử dụng ứng dụng Facebook được cài đặt trên 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, bên trong lắp sim số 0973799999, đã qua sử dụng để liên hệ trao đổi với người vay tiền, thống nhất các nội dung của khoản vay như số tiền vay, lãi suất vay, tiền lãi,... Sau khi thống nhất các nội dung của khoản vay với người vay, Trần Hoàng B sẽ cắt trước lãi suất của khoản vay rồi đưa tiền gốc cho họ, B yêu cầu người vay pH trả tiền gốc trong một thời gian nhất định (thường là 30 ngày, tức là cho vay theo kiểu bóc lột họ). Khi người vay đồng ý thì B sẽ sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 mang tên Trần Hoàng B để chuyển tiền gốc cho người vay và đồng thời nhận tiền gốc hàng ngày bằng hình thức nhận tiền mặt hoặc tiền chuyển khoản. Từ tháng 6/2024 đến tháng 11/2024, Trần Hoàng B đã thực hiện hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đối với 02 người, cụ thể như sau:

+. Đối với anh Đặng Danh H: Trần Hoàng B sử dụng số tiền gốc 120.000.000 đồng để cho vay 05 lần, cụ thể:

- Lần vay thứ 1: Ngày 15/7/2024, anh H vay B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H pH trả số tiền 2.000.000 đồng tiền gốc. Sau khi thống nhất khoản vay, B cắt 7.200.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên. Ngày 15/7/2024, B sử dụng tài khoản 0007737999999 ngân hàng Vietcombank chuyển cho anh H số tiền 50.800.000 đồng.

Đối với khoản vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B 50.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng, số tiền này đã được trừ vào tiền gốc ở lần vay sau. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền 7.200.000 đồng; Số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền $7.200.000 \text{ đồng} - 986.301 \text{ đồng} = 6.213.699 \text{ đồng}$. Hiện anh H đã trả đủ số tiền gốc của lần vay thứ 1 này cho B.

Lần vay thứ 2: Ngày 09/8/2024, anh Đặng Danh H vay Trần Hoàng B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H pH trả số tiền 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên và 10.000.000 đồng số tiền nợ của khoản vay thứ nhất. Đối với khoản vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B tổng số tiền gốc là 54.000.000 đồng và còn nợ tiền gốc là 6.000.000 đồng, số tiền này đã được trừ vào tiền vay gốc ở lần vay sau. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền 7.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $7.200.000 \text{ đồng} - 986.301 \text{ đồng} = 6.213.699 \text{ đồng}$. Hiện anh H đã trả đủ số tiền gốc của khoản vay này cho B.

- Lần vay thứ 3: Ngày 05/9/2024 anh Đặng Danh H vay Trần Hoàng B số tiền số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H pH trả số tiền 2.000.000 đồng tiền vay gốc. Ngày 05/9/2024, B sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 chuyển cho anh H số tiền 44.800.000 đồng, Trần Hoàng B đã cắt 7.200.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên và 6.000.000 đồng số tiền nợ của lần vay thứ hai.

Đối với lần vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B tổng số tiền gốc là 54.000.000 đồng và còn nợ 6.000.000 đồng, số tiền này đã được trừ vào tiền vay gốc ở lần vay sau. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền

7.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $7.200.000 \text{ đồng} - 986.301 \text{ đồng} = 6.213.699 \text{ đồng}$. Hiện anh H đã trả đủ số tiền gốc của lần vay này cho B.

- Lần vay thứ 4: Ngày 05/10/2024 anh Đặng Danh H vay Trần Hoàng B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000. đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H pH trả số tiền 2.000.000 đồng tiền vay gốc. Ngày 05/10/2024, B sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 chuyển cho anh H số tiền 44.800.000 đồng, Trần Hoàng B đã cắt 7.200.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên và 6.000.000 đồng số tiền nợ của lần vay thứ ba. Đối với lần vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và còn nợ 10.000.000 đồng, số tiền này đã được trừ vào tiền gốc ở lần vay sau. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền 7.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 30 = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $7.200.000 \text{ đồng} - 986.301 \text{ đồng} = 6.213.699 \text{ đồng}$. Hiện anh H đã trả đủ số tiền gốc của lần vay này cho B.

- Lần vay thứ 5: Ngày 27/11/2024, anh Đặng Danh H vay Trần Hoàng B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H pH trả số tiền 2.000.000 đồng tiền vay gốc. Ngày 27/11/2024, B sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 chuyển cho anh H số tiền 40.800.000 đồng, Trần Hoàng B đã cắt 7.200.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên và 10.000.000 đồng số tiền nợ của lần vay thứ tư.

Đối với lần vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền 7.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 30 = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $7.200.000 \text{ đồng} - 986.301 \text{ đồng} = 6.213.699 \text{ đồng}$.

Như vậy, từ ngày 15/7/2024 đến ngày 27/11/2024, Trần Hoàng B sử dụng số tiền gốc 120.000.000 đồng cho anh Đặng Danh H vay 05 lần tiền, mỗi lần vay trong thời hạn 30 ngày, mỗi lần vay số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (lãi suất tính theo ngày) tương đương 146%/01 năm. Trần Hoàng B đã thu của anh H số tiền 36.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định của pháp luật thì B được hưởng tiền lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định là 4.931.507 đồng và thu lợi bất chính số tiền 31.068.493 đồng

của anh H. Hiện anh Đặng Danh H còn nợ tiền gốc của Trần Hoàng B số tiền 10.000.000 đồng.

+. Đối với anh Nguyễn Ngọc T: Trần Hoàng B sử dụng số tiền gốc 10.000.000 đồng để cho anh Nguyễn Ngọc T vay tiền, cụ thể: Ngày 06/6/2024 anh Nguyễn Ngọc T vay Trần Hoàng B số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mười ngày anh T trả 400.000 đồng tiền lãi. Ngày 06/6/2024, B sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 chuyển cho anh T số tiền 9.600.000 đồng, B đã cắt số tiền 400.000 đồng tiền lãi của 10 ngày đầu tiên. Từ ngày 06/6/2024 đến ngày 13/9/2024 anh Nguyễn Ngọc T đã trả cho Trần Hoàng B tiền lãi là 4.000.000 đồng/100 ngày. Từ ngày 14/9/2024 đến ngày 22/12/2024, Trần Hoàng B giảm tiền lãi suất xuống 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Đối với khoản vay này anh Nguyễn Ngọc T đã trả cho Trần Hoàng B tiền lãi là 3.000.000 đồng/100 ngày.

Đối với khoản vay này, từ ngày 06/6/2024 đến ngày 13/9/2024, Trần Hoàng B đã thu 100 ngày lãi với số tiền 4.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 100 \text{ ngày} = 547.945 \text{ đồng}$

Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $4.000.000 \text{ đồng} - 547.945 \text{ đồng} = 3.452.055 \text{ đồng}$. Từ ngày 14/9/2024 đến ngày 22/12/2024, Trần Hoàng B đã thu 100 ngày lãi với số tiền 3.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 100 \text{ ngày} = 547.945 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $3.000.000 \text{ đồng} - 547.945 \text{ đồng} = 2.452.055 \text{ đồng}$

Như vậy, từ ngày 06/6/2024 đến ngày 13/9/2024, Trần Hoàng B cho anh Nguyễn Ngọc T vay 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương 146%/01 năm. Trần Hoàng B đã thu của anh T số tiền 4.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 14/9/2024 đến ngày 22/12/2024, Trần Hoàng B giảm tiền lãi suất xuống 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/01 năm. Trần Hoàng B đã thu của anh T số tiền 3.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi anh Nguyễn Ngọc T trả cho Trần Hoàng B số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Theo quy định của pháp luật thì B được hưởng tiền lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định là 1.095.890 đồng và thu lợi bất chính số tiền 5.904.110 đồng. Hiện Nguyễn Ngọc T đang nợ B 10.000.000 đồng tiền gốc và số tiền 450.000 đồng tiền lãi từ ngày 22/12/2024 đến ngày 06/01/2025

Như vậy, tổng số tiền Trần Hoàng B cho anh Đặng Danh H, anh Nguyễn Ngọc T vay nhiều lần là 310.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 36.972.603 đồng. Đến ngày 07/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An

triệu tập Trần Hoàng B. Tại Cơ quan điều tra, Trần Hoàng B đã xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

-01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Seri: F2LF33UMOD42, số Imei: 357210364290852, bên trong lắp sim số 0973799999 đã qua sử dụng. Hiện được B quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vinh.

Tại bản cáo trạng số 125/CT – VKS - TPV ngày 27/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Trần Hoàng B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Hoàng B từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

* Xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của bị cáo Đinh Trần B

+. Đối với khoản vay của Đặng Danh H: 110.000.000 đồng tiền gốc và 4.931.507 lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự

+. Đối với khoản vay của Nguyễn Ngọc T: Lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.095.890 đồng

- Buộc bị cáo pH trả lại cho 02 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu là:

+. Đối với Đặng Danh H 31.068.493 đồng

+. Đối với Nguyễn Ngọc T: Thu lợi bất chính 5.904.110 đồng – 450.000đồng T còn nợ B = 5.454.110 đồng

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 10.000.000 đồng số tiền gốc Trần Hoàng B cho Đặng Danh H vay nhưng H chưa trả và 10.000.000 đồng số tiền gốc Trần Hoàng B cho Nguyễn Ngọc T vay nhưng T chưa trả.

Tuy nhiên, để thuận lợi cho công tác thi hành án cần khấu trừ số tiền gốc 10.000.000đồng của anh H và 10.000.000 đồng của anh T vào số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo pH trả.

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Seri: F2LF33UMOD42, số Imei: 357210364290852, bên trong lắp sim số 0973799999 đã qua sử dụng thu giữ của Trần Hoàng B là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội, đồng ý với nội dung bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và được Hội đồng xét xử sử dụng làm chứng cứ xem xét khi giải quyết vụ án.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa nhưng vắng mặt. Tại hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của họ; xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đều cơ sở kết luận:

Từ ngày 06/6/2024 đến ngày 27/11/2024, Trần Hoàng B dùng số tiền gốc 130.000.000 đồng cho anh Đặng Danh H, anh Nguyễn Ngọc T vay nhiều lần, thu lợi bất chính số tiền 36.972.603 đồng. Cụ thể như sau:

- Dùng số tiền gốc 120.000.000 đồng cho anh Đặng Danh H vay 5 lần, mỗi lần 60.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, với lãi suất là 146%/1 năm, thu lợi bất chính số tiền là 31.068.493 đồng.

- Dùng số tiền gốc 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Ngọc T vay tiền 01 lần 10.000.000 đồng, trong thời hạn 100 ngày, lãi suất vay 109,5%/ 01 năm đến 146%/01 năm, thu lợi bất chính số tiền là 5.904.110 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính mà Trần Hoàng B pH chịu trách nhiệm hình sự là 36.972.603 đồng

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính 36.972.603 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4]. Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính; ảnh hưởng nghiêm trọng

đến các giao dịch dân sự, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tội phạm khác, gây bất bình trong dư luận. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi bất chính, coi thường pháp luật, bất chấp đạo lý thực hiện hành vi phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh, kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ là trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú; có thành tích trong công tác phòng chống dịch Covid 19 được cấp có thẩm quyền tặng giấy khen quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cần xử phạt bị cáo hình phạt tiền là hình phạt chính. Mức hình phạt từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là đảm B tính răn đe và giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của bị cáo Đinh Trần B:

+. Đối với khoản vay của Đặng Danh H: 110.000.000 đồng tiền gốc và 4.931.507 lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà anh H đã trả lại cho bị cáo

+. Đối với khoản vay của Nguyễn Ngọc T: Lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.095.890 đồng mà anh T đã trả cho bị cáo.

- Buộc bị cáo pH trả lại cho 02 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu (Anh H: 31.068.493 đồng; anh T: 5.454.110 đồng). Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 10.000.000 đồng số tiền gốc bị cáo Trần Hoàng B cho H vay nhưng H chưa hoàn trả và 10.000.000 đồng số tiền gốc Trần Hoàng B cho anh Nguyễn Ngọc T vay nhưng T chưa hoàn trả.

Tuy nhiên, để thuận lợi cho công tác thi hành án cần khấu trừ số tiền gốc 10.000.000 đồng của anh H và 10.000.000 đồng của anh T vào số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo pH trả cho họ. Sau khi khấu trừ, số tiền thu lợi bất chính bị

cáo pH trả cho anh Đặng Danh H là 21.068.493 đồng. Số tiền gốc còn pH truy thu từ anh T là: 4.545.890 đồng.

Tổng số tiền truy thu, sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Đinh Trần B là 136.027.397 đồng (*Gồm 130.000.000 đồng tiền gốc dùng để cho anh H, anh T vay và 6.027.397 đồng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự*).

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Seri: F2LF33UMOD42, số Imei: 357210364290852, bên trong lắp sim số 0973799999 đã qua sử dụng thu giữ của Trần Hoàng B là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng B 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước tổng số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của bị cáo Đinh Trần B là: 136.027.397 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*).

- Buộc bị cáo pH trả lại cho anh Đặng Danh H là 21.068.493đ (*Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*);

- Truy thu sung quỹ nhà nước từ anh Nguyễn Ngọc T số tiền 4.545.890đ (*Bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng*)

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Seri: F2LF33UMOD42, số Imei: 357210364290852, bên trong gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng theo Phiếu nhập kho ngày 27/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu lãi suất của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Hoàng B pH chịu (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND TP Vinh;
- Chi Cục THADS TP Vinh;
- CQ Cảnh sát điều tra TP Vinh;
- Bị cáo, NCQLNVLQ
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HSST

Ngày: 25/03/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Thắm

Bà Phan Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Đào - Kiểm sát viên .

Ngày 25/03/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân thành phố Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2025/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 03 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Hoàng B, sinh ngày 19/10/1995. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Khối 11, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Đoàn thể: Không

Con ông: Trần Minh Huệ (Đã chết) và bà Hứa Thị Diệp Anh, sinh năm 1976 Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Nguyễn Thị Thủy Ngân, sinh năm 1993

Con: Có 03 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: - Năm 2013 bị Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”

- Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 30 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ kể từ ngày 07/01/2025 đến ngày 13/01/2025 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh: Đặng Danh H, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú tại: Khối 11, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Anh: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Khối 11, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ ngày 06/6/2024 đến ngày 27/11/2024, Trần Hoàng B dùng số tiền 130.000.000 đồng để cho anh Đặng Danh H, anh Nguyễn Ngọc T vay nhiều lần, thu lợi bất chính số tiền 36.972.603 đồng. Cụ thể như sau:

- Cho anh Đặng Danh H vay 05 lần, mỗi lần 60.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, với lãi suất là 146%/1 năm, thu lợi bất chính số tiền là 31.068.493 đồng.

- Cho anh Nguyễn Ngọc T vay tiền 01 lần 10.000.000 đồng, trong Thời hạn 100 ngày, lãi suất vay 109,5%/ 01 năm đến 146%/01 năm, thu lợi bất chính số tiền là 5.904.110 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận như sau: Vào khoảng giữa năm 2024, Trần Hoàng B được gia đình cho 130.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh nhưng B lại dùng để thực hiện hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Khi có người vay đặt vấn đề vay tiền thì B không yêu cầu người vay phải cầm cố thế chấp tài sản mà sẽ đưa ra mức lãi suất của khoản vay phải đóng từ 3000 đồng đến 4000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất từ 109,5%/năm đến 146%/năm (Cao gấp từ 5,475 lần đến 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định). Để thực hiện hành vi phạm tội, Trần Hoàng B sử dụng ứng dụng Facebook được cài đặt trên 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, bên trong lắp sim số 0973799999, đã qua sử dụng để liên hệ trao đổi với người vay tiền, thống nhất các nội dung của khoản vay như số tiền vay, lãi suất vay, tiền lãi,... Sau khi

thống nhất các nội dung của khoản vay với người vay, Trần Hoàng B sẽ cắt trước lãi suất của khoản vay rồi đưa tiền gốc cho họ, B yêu cầu người vay trả tiền gốc trong một thời gian nhất định (thường là 30 ngày, tức là cho vay theo kiểu bóc bát họ). Khi người vay đồng ý thì B sẽ sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 mang tên Trần Hoàng B để chuyển tiền gốc cho người vay và đồng thời nhận tiền gốc hàng ngày bằng hình thức nhận tiền mặt hoặc tiền chuyển khoản. Từ tháng 6/2024 đến tháng 11/2024, Trần Hoàng B đã thực hiện hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đối với 02 người, cụ thể như sau:

+ Đối với anh Đặng Danh H: Trần Hoàng B sử dụng số tiền gốc 120.000.000 đồng để cho vay 05 lần, cụ thể:

- Lần vay thứ 1: Ngày 15/7/2024, anh H vay B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H phải trả số tiền 2.000.000 đồng tiền gốc. Sau khi thống nhất khoản vay, B cắt 7.200.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên. Ngày 15/7/2024, B sử dụng tài khoản 0007737999999 ngân hàng Vietcombank chuyển cho anh H số tiền 50.800.000 đồng.

Đối với khoản vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B 50.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng, số tiền này đã được trừ vào tiền gốc ở lần vay sau. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền 7.200.000 đồng; Số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} + 365 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền $7.200.000 \text{ đồng} - 986.301 \text{ đồng} = 6.213.699 \text{ đồng}$. Hiện anh H đã trả đủ số tiền gốc của lần vay thứ 1 này cho B.

Lần vay thứ 2: Ngày 09/8/2024, anh Đặng Danh H vay Trần Hoàng B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H phải trả số tiền 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên và 10.000.000 đồng số tiền nợ của khoản vay thứ nhất. Đối với khoản vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B tổng số tiền gốc là 54.000.000 đồng và còn nợ tiền gốc là 6.000.000 đồng, số tiền này đã được trừ vào tiền vay gốc ở lần vay sau. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền 7.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} + 365 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và

thu lợi bất chính số tiền là 7.200.000 đồng - 986.301 đồng = 6.213.699 đồng. Hiện anh H đã trả đủ số tiền gốc của khoản vay này cho B.

- Lần vay thứ 3: Ngày 05/9/2024 anh Đặng Danh H vay Trần Hoàng B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H pH trả số tiền 2.000.000 đồng tiền vay gốc. Ngày 05/9/2024, B sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 chuyển cho anh H số tiền 44.800.000 đồng, Trần Hoàng B đã cắt 7.200.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên và 6.000.000 đồng số tiền nợ của lần vay thứ hai.

Đối với lần vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B tổng số tiền gốc là 54.000.000 đồng và còn nợ 6.000.000 đồng, số tiền này đã được trừ vào tiền vay gốc ở lần vay sau. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền 7.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là 7.200.000đồng - 986.301 đồng = 6.213.699 đồng. Hiện anh H đã trả đủ số tiền gốc của lần vay này cho B.

- Lần vay thứ 4: Ngày 05/10/2024 anh Đặng Danh H vay Trần Hoàng B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000. đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H pH trả số tiền 2.000.000 đồng tiền vay gốc. Ngày 05/10/2024, B sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 chuyển cho anh H số tiền 44.800.000 đồng, Trần Hoàng B đã cắt 7.200.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên và 6.000.000 đồng số tiền nợ của lần vay thứ ba. Đối với lần vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và còn nợ 10.000.000 đồng, số tiền này đã được trừ vào tiền gốc ở lần vay sau. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền 7.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 30 = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là 7.200.000đồng - 986.301 đồng = 6.213.699 đồng. Hiện anh H đã trả đủ số tiền gốc của lần vay này cho B.

- Lần vay thứ 5: Ngày 27/11/2024, anh Đặng Danh H vay Trần Hoàng B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng

do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mỗi ngày anh H pH trả số tiền 2.000.000 đồng tiền vay gốc. Ngày 27/11/2024, B sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 chuyển cho anh H số tiền 40.800.000 đồng, Trần Hoàng B đã cắt 7.200.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 2.000.000 đồng tiền gốc của ngày đầu tiên và 10.000.000 đồng số tiền nợ của lần vay thứ tư.

Đối với lần vay này, anh Đặng Danh H đã trả cho Trần Hoàng B tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng. Trần Hoàng B đã thu 30 ngày lãi với số tiền 7.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} + 365 \text{ ngày}) \times 30 = 986.301 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $7.200.000 \text{ đồng} - 986.301 \text{ đồng} = 6.213.699 \text{ đồng}$.

Như vậy, từ ngày 15/7/2024 đến ngày 27/11/2024, Trần Hoàng B sử dụng số tiền gốc 120.000.000 đồng cho anh Đặng Danh H vay 05 lần tiền, mỗi lần vay trong thời hạn 30 ngày, mỗi lần vay số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (lãi suất tính theo ngày) tương đương 146%/01 năm. Trần Hoàng B đã thu của anh H số tiền 36.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định của pháp luật thì B được hưởng tiền lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định là 4.931.507 đồng và thu lợi bất chính số tiền 31.068.493 đồng của anh H. Hiện anh Đặng Danh H còn nợ tiền gốc của Trần Hoàng B số tiền 10.000.000 đồng.

+. Đối với anh Nguyễn Ngọc T: Trần Hoàng B sử dụng số tiền gốc 10.000.000 đồng để cho anh Nguyễn Ngọc T vay tiền, cụ thể: Ngày 06/6/2024 anh Nguyễn Ngọc T vay Trần Hoàng B số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Mười ngày anh T pH trả 400.000 đồng tiền lãi. Ngày 06/6/2024, B sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0007737999999 chuyển cho anh T số tiền 9.600.000 đồng, B đã cắt số tiền 400.000 đồng tiền lãi của 10 ngày đầu tiên. Từ ngày 06/6/2024 đến ngày 13/9/2024 anh Nguyễn Ngọc T đã trả cho Trần Hoàng B tiền lãi là 4.000.000 đồng/100 ngày. Từ ngày 14/9/2024 đến ngày 22/12/2024, Trần Hoàng B giảm tiền lãi suất xuống 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm (Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng do Bộ luật dân sự quy định) trong kỳ hạn 30 ngày. Đối với khoản vay này anh Nguyễn Ngọc T đã trả cho Trần Hoàng B tiền lãi là 3.000.000 đồng/100 ngày.

Đối với khoản vay này, từ ngày 06/6/2024 đến ngày 13/9/2024, Trần Hoàng B đã thu 100 ngày lãi với số tiền 4.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy

định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm + 365 \text{ ngày}) \times 100 \text{ ngày} = 547.945 \text{ đồng}$

Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $4.000.000 \text{ đồng} - 547.945 \text{ đồng} = 3.452.055 \text{ đồng}$. Từ ngày 14/9/2024 đến ngày 22/12/2024, Trần Hoàng B đã thu 100 ngày lãi với số tiền 3.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định mà Trần Hoàng B được hưởng là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 365 \text{ ngày}) \times 100 \text{ ngày} = 547.945 \text{ đồng}$. Trần Hoàng B hưởng lãi suất quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là $3.000.000 \text{ đồng} - 547.945 \text{ đồng} = 2.452.055 \text{ đồng}$

Như vậy, từ ngày 06/6/2024 đến ngày 13/9/2024, Trần Hoàng B cho anh Nguyễn Ngọc T vay 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương 146%/01 năm. Trần Hoàng B đã thu của anh T số tiền 4.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 14/9/2024 đến ngày 22/12/2024, Trần Hoàng B giảm tiền lãi suất xuống 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/01 năm. Trần Hoàng B đã thu của anh T số tiền 3.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi anh Nguyễn Ngọc T trả cho Trần Hoàng B số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Theo quy định của pháp luật thì B được hưởng tiền lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định là 1.095.890 đồng và thu lợi bất chính số tiền 5.904.110 đồng. Hiện Nguyễn Ngọc T đang nợ B 10.000.000 đồng tiền gốc và số tiền 450.000 đồng tiền lãi từ ngày 22/12/2024 đến ngày 06/01/2025

Như vậy, tổng số tiền Trần Hoàng B cho anh Đặng Danh H, anh Nguyễn Ngọc T vay nhiều lần là 310.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 36.972.603 đồng. Đến ngày 07/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An triệu tập Trần Hoàng B. Tại Cơ quan điều tra, Trần Hoàng B đã xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

-01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Seri: F2LF33UMOD42, số Imei: 357210364290852, bên trong lắp sim số 0973799999 đã qua sử dụng. Hiện được B quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vinh.

Tại bản cáo trạng số 125/CT – VKS - TPV ngày 27/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Trần Hoàng B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ

luật hình sự, xử phạt Trần Hoàng B từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

*** Xử lý vật chứng:**

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của bị cáo Đinh Trần B

+ Đối với khoản vay của Đặng Danh H: 110.000.000 đồng tiền gốc và 4.931.507 lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự

+ Đối với khoản vay của Nguyễn Ngọc T: Lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.095.890 đồng

- Buộc bị cáo pH trả lại cho 02 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu là:

+ Đối với Đặng Danh H 31.068.493 đồng

+ Đối với Nguyễn Ngọc T: Thu lợi bất chính 5.904.110 đồng – 450.000 đồng T còn nợ B = 5.454.110 đồng

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 10.000.000 đồng số tiền gốc Trần Hoàng B cho Đặng Danh H vay nhưng H chưa trả và 10.000.000 đồng số tiền gốc Trần Hoàng B cho Nguyễn Ngọc T vay nhưng T chưa trả.

Tuy nhiên, để thuận lợi cho công tác thi hành án cần khấu trừ số tiền gốc 10.000.000 đồng của anh H và 10.000.000 đồng của anh T vào số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo pH trả.

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Seri: F2LF33UMOD42, số Imei: 357210364290852, bên trong lắp sim số 0973799999 đã qua sử dụng thu giữ của Trần Hoàng B là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội, đồng ý với nội dung bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp

pháp và được Hội đồng xét xử sử dụng làm chứng cứ xem xét khi giải quyết vụ án.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa nhưng vắng mặt. Tại hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của họ; xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 06/6/2024 đến ngày 27/11/2024, Trần Hoàng B dùng số tiền gốc 130.000.000 đồng cho anh Đặng Danh H, anh Nguyễn Ngọc T vay nhiều lần, thu lợi bất chính số tiền 36.972.603 đồng. Cụ thể như sau:

- Dùng số tiền gốc 120.000.000 đồng cho anh Đặng Danh H vay 5 lần, mỗi lần 60.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, với lãi suất là 146%/1 năm, thu lợi bất chính số tiền là 31.068.493 đồng.

- Dùng số tiền gốc 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Ngọc T vay tiền 01 lần 10.000.000 đồng, trong thời hạn 100 ngày, lãi suất vay 109,5%/ 01 năm đến 146%/01 năm, thu lợi bất chính số tiền là 5.904.110 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính mà Trần Hoàng B pH chịu trách nhiệm hình sự là 36.972.603 đồng

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính 36.972.603 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4]. Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính; ảnh hưởng nghiêm trọng đến các giao dịch dân sự, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tội phạm khác, gây bất bình trong dư luận. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi bất chính, coi thường pháp luật, bất chấp đạo lý thực hiện hành vi phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh, kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ là trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú; có thành tích trong công tác phòng chống dịch Covid 19 được cấp có thẩm quyền tặng giấy khen quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cần xử phạt bị cáo hình phạt tiền là hình phạt chính. Mức hình phạt từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là đảm B tính răn đe và giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của bị cáo Đinh Trần B:

+. Đối với khoản vay của Đặng Danh H: 110.000.000 đồng tiền gốc và 4.931.507 lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà anh H đã trả lại cho bị cáo

+. Đối với khoản vay của Nguyễn Ngọc T: Lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.095.890 đồng mà anh T đã trả cho bị cáo.

- Buộc bị cáo pH trả lại cho 02 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu (Anh H: 31.068.493 đồng; anh T: 5.454.110 đồng). Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 10.000.000 đồng số tiền gốc bị cáo Trần Hoàng B cho H vay nhưng H chưa hoàn trả và 10.000.000 đồng số tiền gốc Trần Hoàng B cho anh Nguyễn Ngọc T vay nhưng T chưa hoàn trả.

Tuy nhiên, để thuận lợi cho công tác thi hành án cần khấu trừ số tiền gốc 10.000.000 đồng của anh H và 10.000.000 đồng của anh T vào số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo pH trả cho họ. Sau khi khấu trừ, số tiền thu lợi bất chính bị cáo pH trả cho anh Đặng Danh H là 21.068.493 đồng. Số tiền gốc còn pH truy thu từ anh T là: 4.545.890 đồng.

Tổng số tiền truy thu, sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Đinh Trần B là 136.027.397 đồng (*Gồm 130.000.000 đồng tiền gốc dùng để cho anh H, anh T vay và 6.027.397 đồng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự*).

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Seri: F2LF33UMOD42, số Imei: 357210364290852, bên trong lắp sim số 0973799999 đã qua sử dụng thu giữ của Trần Hoàng B là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng B 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước tổng số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của bị cáo Đinh Trần B là: 136.027.397 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*).

- Buộc bị cáo pH trả lại cho anh Đặng Danh H là 21.068.493đ (*Hai mươi một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*);

- Truy thu sung quỹ nhà nước từ anh Nguyễn Ngọc T số tiền 4.545.890đ (*Bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng*)

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Seri: F2LF33UMOD42, số Imei: 357210364290852, bên trong gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng theo Phiếu nhập kho ngày 27/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Về án phí: Bị cáo Trần Hoàng B phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: /2020/HSST

Ngày: 30/03/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

- *Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Trần Văn Luyện

+ Ông: Nguyễn Văn Dương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/03/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Thái Khắc Công, sinh ngày 15/11/1976. Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Xóm 14 cũ (Xóm Thịnh Tâm mới), xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12.

Họ tên cha: Thái Khắc Sáu (Đã chết)

Họ tên mẹ: Trần Thị Mai, sinh năm 1933

Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ 05.

Vợ: Ngô Thị Tâm; Sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Xuất khẩu lao động

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ 09 ngày kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2019, đến ngày 18 tháng 11 năm 2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh: Thái Đình Dân, sinh ngày 20/06/1988. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

Nơi cư trú: Xóm Vũ Vũ, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

-Chị: Ngô Thị Thương, sinh ngày 02/06/1986. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 03 (Mới), xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

-Chị: Lê Thị Nga, sinh ngày 25/8/1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 02, xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

-Chị: Nguyễn Thị Tý Anh, sinh ngày 20/07/1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 01 (Mới), xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 11/02/2018 đến ngày 9/11/2019 tại nơi ở của Thái Khắc Công thuộc xóm Thịnh Tâm (mới) (Xóm 14 cũ), xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Thái Khắc Công đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính đối với anh Thái Đình Dân số tiền 6.678.083 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng), chị Ngô Thị Thương số tiền 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn

mười hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng), chị Lê Thị Nga số tiền 21.142.466 đồng (Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), chị Nguyễn Thị Tý Anh số tiền 192.932.466 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng số tiền Thái Khắc Công thu lợi bất chính là 226.095.481 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng)

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Thái Khắc Công khai nhận từ ngày 11/02/2018 đến ngày 09/11/2019, do quen biết từ trước, bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với các cá nhân, cụ thể:

- **Giao dịch với anh Thái Đình Dân:** Ngày 11/11/2018, Công cho anh Dân vay số tiền 50.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày) tức lãi suất 180%/năm. Đến ngày 11/12/2018, anh Dân đã trả cho Công cả gốc lẫn lãi với số tiền là 57.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi là 7.500.000 đồng. Theo quy định, lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự cho phép là 20 %/năm (Sau đây gọi tắt là lãi suất theo quy định) - tức 5/3 %/tháng, tức 4/73 %/ngày (Do năm 2018 có 365 ngày) nên số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà Công được thu 30 ngày tiền lãi của khoản vay 50.000.000đồng là 821.917 đồng. Số tiền thu lợi bất chính mà Công thu được từ việc cho anh Dân vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 6.678.083đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).

- **Giao dịch với chị Ngô Thị Thương:** Ngày 25/9/2019, Công cho chị Thương vay số tiền 40.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày) tức lãi suất 180%/năm và đóng tiền lãi vào ngày 25 hàng tháng. Ngày 25/10/2019, chị Thương trả cho Công tiền lãi 01 tháng với số tiền 6.000.000đồng. Từ đó đến nay chị Thương chưa trả thêm số lãi hay gốc nào cho Công. Lãi suất theo quy định số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà Công được thu là 30 ngày tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng là 657.534 đồng. Như vậy, số tiền Công thu lợi bất chính từ việc cho chị Thương vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 5.342.466đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

- **Các giao dịch với chị Lê Thị Nga:** Bị cáo cho chị Nga vay tiền 03 lần, cụ thể:

+. Lần 1: Ngày 26/3/2019, Công cho chị Nga vay 10.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất là 5.000đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày) tức lãi suất 180%/năm. Khi vay Công yêu cầu chị Nga viết giấy

vay 10.000.000 đồng + 1.500.000 đồng. Trong đó 1.500.000 đồng là tiền lãi 01 tháng và hạn đến 26/4/2019 sẽ trả.

+. Lần 2: Ngày 28/3/2019, Công cho chị Nga vay 10.000.000 đồng (cũng với thỏa thuận lãi suất như trên. Ngay sau khi vay xong, Công cắt tiền lãi tháng đầu là 1.500.000đồng, nên thực tế chị Nga chỉ nhận được 8.500.000đồng.

+.Lần 3: Ngày 02/4/2019, Công cho chị Nga vay số tiền 10.000.000đồng cũng với thỏa thuận lãi suất như trên. Sau đó một thời gian (Công và chị Nga đều không nhớ chính xác nhưng trước ngày 30/5/2019), chị Nga trả cho Công 1.500.000đồng tiền lãi, đồng thời viết giấy hạn đến ngày 30/5/2019 sẽ trả 36.000.000đồng. Trong đó 30.000.000đồng tiền gốc và 6.000.000đồng là tiền lãi còn thiếu tính đến 30/5/2019 – Đây là tiền lãi 02 tháng của cả 3 lần vay trừ đi 1.500.000 đồng (Cắt ngày 28/3/2019 và trừ đi 1.500.000 đồng) đã thu tiền mặt.

Đến ngày 30/5/2019, chị Nga không trả đúng hạn nên ngày 01/6/2019, Công và chị Nga thỏa thuận viết giấy hạn đến 01/7/2019 sẽ trả 50.000.000đồng. Trong đó: 36.000.000đồng là khoản nợ tính đến 30/5/2019 và 14.000.000đồng là tiền lãi tính đến 01/7/2019 cộng với tiền phạt do chậm trả.

Đến ngày 01/7/2019, chị Nga không trả đúng hạn nên ngày 20/7/2019, chị Nga và Công thỏa thuận viết giấy hạn đến 20/01/2020 sẽ trả 150.000.000đồng. Trong đó 50.000.000đồng là số tiền nợ tính đến 01/7/2019 và số còn lại là tiền lãi cộng phạt. Cho đến nay chị Nga vẫn chưa trả thêm được cho Công số tiền nào.

Như vậy, tổng số tiền lãi và phạt Công đã thu của chị Nga là: 1.500.000đồng (Cắt ngày 28/3/2019) + 1.500.000 đồng (trả lãi tiền mặt) + 6.000.000đồng (Lãi nhập vào gốc và tiếp tục tính lãi ngày 01/6/2019 nên coi như đã thu lãi) + 14.000.000đ (Lãi và phạt nhập vào gốc và tiếp tục tính lãi ngày 20/7/2019) = 23.000.000 đồng, đối với số tiền trong giấy hạn ghi ngày 20/7/2019 do chưa đến hạn (20/01/2020) và chưa phát sinh lợi tức nên không tính tang số để xác định trách nhiệm hình sự. Lãi suất theo quy định, số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà Công được thu là 116 ngày tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng ngày 26/3/2019 + 114 ngày tiền lãi của khoản vay 10.000.000đồng ngày 28/3/2019 + 109 ngày tiền lãi của khoản vay 10.000.000đồng ngày 02/4/2019, tổng cộng là 1.857.534 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng).

Số tiền thu lợi bất chính Công thu được từ việc cho chị Nga vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 23.000.000đồng – 1.873.973đồng = 21.126.027 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Các giao dịch với chị Nguyễn Thị Tý Anh: Vào khoảng thời gian từ ngày 11-12/02/2018, chị Anh vay Công số tiền 20.000.000 đồng, với thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày), tức lãi suất 180%/ 01 năm, cứ đến ngày 11-12 hàng tháng sẽ đóng tiền lãi. Tính đến tháng 07/2018, chị Anh đã giao cho Công 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Ngày 26/7/2018, chị Anh trả cho Công 1.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày này đến tháng 10/2018, chị Anh trả 3 tháng tiền lãi của khoản vay 19.000.000đồng là 8.550.000đồng. Ngày 08/10/2018, chị Anh trả cho Công số tiền 3.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày này đến tháng 11/2018, chị Anh đã trả cho Công tiền lãi 01 tháng của khoản vay 16.000.000đồng là 2.400.000đồng.

Ngày 08/11/2018, chị Anh vay thêm Công số tiền 4.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất như cũ thành tổng tiền gốc vay là 20.000.000 đồng, chị Anh hẹn Công đến 16/12/2018 sẽ trả cho Công nhưng đến hẹn chị Anh không trả được nên ngày 12/01/2019, Công và chị Anh đã thỏa thuận chị Anh viết giấy nợ Công số tiền 35.000.000đồng; trong đó: 20.000.000đồng (Tiền gốc) + tiền lãi tính đến ngày 12/01/2018 và tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc. Đồng thời chị Anh hẹn Công đến ngày 16/01/2019 sẽ trả. Ngày 16/01/2019, chị Anh trả cho Công số tiền 9.000.000đồng và còn nợ số tiền 26.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2019, chị Anh vay thêm Công số tiền 10.000.000đồng và thỏa thuận chị Anh viết giấy số tiền 40.000.000 đồng, trong đó: 26.000.000đồng (Nợ cũ) + 10.000.000 đồng (vay thêm) + số tiền lãi tính đến ngày 29/01/2019 và số tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc.

Ngày 05/02/2019, chị Anh vay thêm Công số tiền 10.000.000đồng và thỏa thuận chị Anh viết giấy vay nợ với số tiền 55.000.000đồng; trong đó: 40.000.000 đồng (nợ cũ) + 10.000.000 đồng (vay thêm) + tiền lãi tính đến ngày 05/02/2019 + tiền phạt, và chị Anh hẹn đến 04/4/2019 sẽ trả.

Đến ngày 30/3/2019, Công hỏi tiền chị Anh nhưng chị Anh chưa có tiền gốc và tiền lãi để trả cho Công, nên Công và chị Anh thỏa thuận tính thêm vào gốc 15.000.000đồng; trong đó gồm: tiền lãi tính đến ngày 30/3/2019 + tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc nên chị Anh viết giấy vay nợ số tiền 70.000.000đồng và hẹn đến 03/4/2019 chị Anh sẽ trả.

Đến ngày 03/4/2019, chị Anh không trả đúng hẹn nên 10/4/2019, Công và chị Anh đã thống nhất viết giấy vay số tiền 105.000.000đồng, bao gồm: 70.000.000đồng (nợ cũ) + 35.000.000đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả tiền vay và tiền lãi).

Ngày 30/5/2019, ông Nguyễn Văn Minh là bố của Nguyễn Thị Tý Anh giúp chị Anh trả nợ cho Công số tiền 30.000.000 đồng, Công bớt cho

5.000.000đồng nên chị Anh viết giấy vay nợ số tiền 70.000.000 đồng, chị Anh hẹn đến ngày 15/7/2019 sẽ trả đủ.

Ngày 06/6/2019, ông Minh tiếp tục giúp chị Anh trả nợ cho Công số tiền 50.000.000 đồng. Ngay sau đó, chị Anh lại vay lại số tiền 20.000.000 đồng, nên tổng tiền chị Anh nợ Công đến thời điểm này là 40.000.000 đồng.

Đến ngày 20/7/2019, chị Anh không trả được cho Công số tiền nào cả nên Công và chị Anh tiếp tục thỏa thuận tính lãi + tiền phạt = 25.000.000đồng nên chị Anh viết giấy nợ số tiền 65.000.000 đồng và hẹn đến ngày 08/8/2019 sẽ trả.

Đến ngày 08/8/2019, chị Anh vẫn chưa trả tiền cho Công, chị Anh và Công thỏa thuận viết giấy vay nợ số tiền 75.000.000 đồng, bao gồm: 65.000.000 đồng (nợ cũ) + 10.000.000 đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc) và hẹn đến ngày 10/8/2019 chị Anh sẽ trả.

Đến ngày 10/8/2019 chị Anh không trả được tiền theo đúng hẹn nên ngày 12/9/2019, chị Anh với Công thỏa thuận viết giấy chị Anh nợ số tiền 100.000.000 đồng, bao gồm: 75.000.000 đồng (nợ cũ)+ 25.000.000 đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả tiền vay gốc và tiền lãi) và hẹn đến ngày 13/9/2019 sẽ trả.

Đến sáng ngày 13/9/2019, chị Anh không trả nên Công và chị Anh đã thỏa thuận chị Anh viết giấy nợ 115.000.000 đồng, trong đó: 100.000.000 đồng (nợ cũ) + 15.000.000 đồng (tiền phạt do chậm trả tiền vay gốc và tiền lãi) và hẹn đến 19 giờ 30 phút ngày 13/9/2019 sẽ trả. Nhưng đến hẹn chị Anh vẫn không trả được.

Ngày 14/9/2019, chị Anh trả cho Công số tiền 10.000.000 đồng, nhưng do chị Anh trả chậm hẹn nên Công và chị Anh đã thỏa thuận chỉ trừ 5.000.000đồng vào khoản nợ trước đó và 5.000.000 đồng còn lại là tiền phạt do trả chậm hẹn. Nên chị Anh đã viết giấy vay nợ số tiền 110.000.000 đồng và hẹn đến 21/9/2019 sẽ trả.

Đến ngày 21/9/2019, chị Anh vẫn không trả được số tiền nào cả, nên Công và chị Anh thỏa thuận viết giấy vay nợ số tiền 130.000.000 đồng. Trong đó: 110.000.000 đồng + 20.000.000 đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả) và hẹn đến ngày 26/9/2019 sẽ trả. Nhưng đến hẹn chị Anh vẫn không trả được.

Đến ngày 02/10/2019, chị Anh vẫn chưa trả được số tiền nào, nên Công và chị Anh tiếp tục thỏa thuận viết giấy vay nợ số tiền 150.000.000đồng, bao gồm: 130.000.000đồng (nợ cũ) + 20.000.000 đồng (tiền lãi + số tiền phạt do chậm trả) và hẹn đến ngày 10/11/2019 sẽ trả. Nhưng đến hẹn chị Anh vẫn không trả được.

Ngày 13/10/2019, chị Anh trả bớt cho Công số tiền 20.000.000đồng, Công bớt thêm cho chị Anh thêm 10.000.000 đồng nên chị Anh viết giấy nợ với số

tiền 120.000.000 đồng. Cho đến nay, chị Anh không trả thêm cho Công bất kỳ số tiền nào cả.

Như vậy, tổng số tiền Công cho chị Anh vay là 64.000.000 đồng (Gồm 20.000.000 đồng (ngày 11-12/02/2018) + 4.000.000 đồng (ngày 08/11/2018) + 10.000.000 đồng (ngày 29/01/2019) + 10.000.000 đồng (ngày 06/6/2019)).

Tổng số tiền chị Anh đã trả cho Công (tính cả khoản bố chị Anh trả hộ) là: 148.950.000 đồng, (Gồm 15.000.000 đồng (trả tiền lãi 5 tháng của khoản vay 20.000.000 đồng) + 1.000.000 đồng (Anh trả bớt gốc ngày 26/7/2018) + 8.550.000 đồng (trả tiền lãi 3 tháng của khoản vay 19.000.000 đồng) + 3.000.000 đồng (Anh trả bớt gốc ngày 08/10/2018) + 2.400.000 đồng (trả tiền lãi 1 tháng của khoản vay 16.000.000 đồng) + 9.000.000 đồng (ngày 16/1/2019 chị Anh trả tiền lãi và phạt cho Công) + 30.000.000 đồng (ngày 30/5/2019, bố của chị Anh là ông Minh trả tiền lãi và tiền phạt) + 50.000.000 đồng (ngày 06/6/2019, ông Minh trả tiền lãi và tiền phạt cho Công) + 10.000.000 đồng (ngày 14/9/2019, chị Anh trả tiền lãi và tiền phạt cho Công) + 20.000.000 đồng (ngày 13/10/2019, chị Anh trả cho Công)

Số tiền đã xác nhận nợ cuối cùng trước khi cơ quan CSĐT phát hiện là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) được xác nhận theo giấy vay tiền viết ngày 13/10/2019 sau khi đã trả bớt 20.000.000 đồng và cho 10.000.000 đồng.

Như vậy tổng số lãi mà Công có được từ việc cho chị Anh vay là 204.950.000 đồng, (Gồm tổng số tiền đã thu (148.950.000 đồng) + Số nợ được xác nhận cuối cùng (120.000.000 đồng) – Số gốc đã cho vay (64.000.000 đồng)).

Căn cứ vào lãi suất theo quy định, số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà Công được thu bao gồm 196 ngày tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng ngày 11-12/2/2018 + 74 ngày tiền lãi của khoản vay 19.000.000 đồng ngày 26/7/2018 + 31 ngày của khoản vay 16.000.000 đồng ngày 08/10/2018 + 82 ngày tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng ngày 08/11/2018 + 07 ngày tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng ngày 08/11/2018 + 121 ngày tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng ngày 05/02/2019 + 157 ngày tiền lãi của khoản vay 60.000.000 đồng ngày 06/6/2019 = 12.017.534 đồng. Như vậy số tiền thu lợi bất chính Công thu được từ việc cho chị Anh vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 192.932.466 đồng.

Tổng cộng từ ngày 11/02/2018 đến ngày 09/11/2019, bị cáo đã thông qua giao dịch dân sự cho 04 cá nhân vay tổng số tiền 180.000.000 đồng, với lãi suất của hành vi phạm tội là 180%/năm. Từ hành vi phạm tội, Công đã thu lợi bất chính số tiền 226.095.481 đồng.

Tại bản cáo trạng số 18/CT – VKS - HS ngày 30/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo Thái Khắc

Công về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Thái Khắc Công từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*. Xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất theo qui định từ bị cáo Thái Khắc Công là 129.354.517 đồng (*Gồm: 50.821.915 đồng trong giao dịch với anh Thái Đình Dân. 657.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Ngô Thị Thương. 1.857.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Lê Thị Nga và 76.017.534 đồng từ tiền gốc và lãi suất từ giao dịch với chị Nguyễn Thị Tý Anh*).

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 40.000.000 đồng từ chị Ngô Thị Thương (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Thương vay, chị Thương chưa hoàn trả);

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 30.000.000 đồng từ chị Lê Thị Nga (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Nga vay, chị Nga chưa hoàn trả);

- Buộc bị cáo Thái Khắc Công pH hoàn trả số tiền lãi suất vượt quá cho anh Thái Đình Dân: 6.678.083 đồng; chị Ngô Thị Thương: 5.342.466 đồng; chị Lê Thị Nga: 1.142.466 đồng và chị Nguyễn Thị Tý Anh 72.932.466 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 11/02/2018 đến ngày 9/11/2019 tại nơi ở của Thái Khắc Công thuộc xóm Thịnh Tâm (mới) – Xóm 14 (cũ), xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Thái Khắc Công đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính đối với anh Thái Đình Dân số tiền 6.678.083 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng), chị Ngô Thị Thương số tiền 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng), chị Lê Thị Nga số tiền 21.142.466 đồng (Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), chị Nguyễn Thị Tý Anh số tiền 192.932.466 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng số tiền Thái Khắc Công thu lợi bất chính là 226.095.481 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng)

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 BLHS. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 226.095.481 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng) nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội

Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính; ảnh hưởng nghiêm trọng đến các giao dịch dân sự; hành vi trái pháp luật và đạo đức xã hội đã đẩy gia đình người vay tiền vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong dư luận. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho

vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lại bất chính, coi thường pháp luật, bất chấp đạo lý thực hiện hành vi phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh, kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đang có xu hướng gia tăng trên địa bàn.

Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và có 02 tình tiết giảm nhẹ là: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, có mẹ đẻ là bà Trần Thị Mai có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Những tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng để răn đe và giáo dục thành công dân có ích cho xã hội. Mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, cần chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung: Theo qui định tại khoản 3 Điều 201 BLHS, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng, hiện tại bị cáo đang sinh sống cùng 02 con nhỏ trong nhà của anh trai là Thái Khắc Trường, Công chưa có nhà, đất, không có tài sản gì có giá trị lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Cần truy thu sung công toàn bộ số tiền gốc cho vay, lãi suất vượt quá trong vụ án, cụ thể:

+. Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất theo qui định của pháp luật từ bị cáo Thái Khắc Công là 129.354.517 đồng (*Gồm: 50.821.915 đồng trong giao dịch với anh Thái Đình Dân. 657.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Ngô Thị Thương. 1.857.534*

đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Lê Thị Thương và 76.017.534 đồng từ tiền gốc và lãi suất từ giao dịch với chị Nguyễn Thị Tý Anh).

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 40.000.000 đồng từ chị Ngô Thị Thương (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Thương vay, chị Thương chưa hoàn trả);

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 30.000.000 đồng từ chị Lê Thị Nga (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Nga vay, chị Nga chưa hoàn trả);

- Buộc bị cáo Thái Khắc Công pH hoàn trả số tiền lãi suất vượt quá cho anh Thái Đình Dân: 6.678.083 đồng; chị Ngô Thị Thương: 5.342.466 đồng; chị Lê Thị Nga: 1.142.466 đồng và chị Nguyễn Thị Tý Anh 72.932.466 đồng.

Đối với 05 (năm) quyển vở (sổ) đặc điểm khác nhau, bên trong các cuốn vở có nhiều trang giấy viết nội dung người khác vay tiền của Thái Khắc Công, các trang giấy có nội dung vay tiền được đánh số từ 01 đến 42 mà Cơ quan công an thu giữ - là chứng cứ chứng minh, xác định hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu tại hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Thái Khắc Công phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Thái Khắc Công 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/03/2020).

Giao bị cáo cho UBND xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất từ bị cáo Thái Khắc Công là 129.354.517 đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm mười bảy đồng*). Trong đó: 50.821.915 đồng trong giao dịch với anh Thái Đình Dân; 657.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Ngô Thị Thương; 1.857.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Lê Thị Thương và 76.017.534 đồng từ tiền gốc và lãi suất từ giao dịch với chị Nguyễn Thị Tý Anh.

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng từ chị Ngô Thị Thương (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Thương vay, chị Thương chưa hoàn trả);

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) từ chị Lê Thị Nga (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Nga vay, chị Nga chưa hoàn trả);

- Buộc bị cáo Thái Khắc Công pH hoàn trả số tiền lãi suất vượt quá cho:

+. Anh: Thái Đình Dân: 6.678.083 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng);

+. Chị: Ngô Thị Thương: 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng);

+. Chị: Lê Thị Nga: 1.142.466 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng);

+. Chị: Nguyễn Thị Tý Anh 72.932.466 đồng (Bảy mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Về án phí: Bị cáo Thái Khắc Công phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:

- Các bị cáo, NCQLNVLQ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND H. Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;
- Cơ quan THA hình sự H. Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Khánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 129/2019/HSST

Ngày: 30/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

- Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Trần Văn H

+ Bà: Thái Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2019/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Thái Doãn Kiên, Sinh ngày 06/3/1983; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: xóm Vũ Vũ, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Họ tên cha: Thái Doãn Kiên, sinh năm 1952,

Họ tên mẹ: Bùi Thị Tuyết, sinh năm 1953,

Anh, chị, em ruột: Có 3 người, bị cáo là con thứ ba.

Vợ: Trần Thị Hòa, sinh năm 1985, làm ruộng tại xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương.

Con: Có 2 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/9/2019 đến ngày 19/9/2019 áp dụng biện pháp ngăn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Nguyễn Chí Nam, Sinh ngày 20/10/1986

Tên gọi khác: Nguyễn Hoài Nam.

Nơi sinh: Xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm 3, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12.

Họ tên cha: Nguyễn Chí Trung, sinh năm 1954 (Đã chết),

Họ tên mẹ: Hoàng Thị Hồng, sinh năm 1956,

Anh, Chị, em ruột: Có 5 người, bị cáo là con thứ tư.

Vợ: Trần Thị Nga, sinh năm 1987

Con: Có 3 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/9/2019 đến ngày 19/9/2019 áp dụng biện pháp ngăn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Hoàng Văn Huynh, sinh ngày 20/12/1987; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: xóm 3, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12.

Họ tên cha: Hoàng Văn Lợi, sinh năm 1957

Họ tên mẹ: Trần Thị Lương, sinh năm 1960 (Đã chết),

Anh, chị, em ruột: Có 4 người, bị cáo là con thứ ba.

Vợ: Nguyễn Thị H Yến, sinh năm 1994

Con: Có 2 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/9/2019 tại xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+. Anh: Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 19/09/1981. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 06, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

+. Anh: Phan Trọng Sơn, sinh ngày 16/09/1987. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 03, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Hoàng Văn Huynh, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 5.120.000 đồng.

Ngày 13/9/2019, vào lúc 16 giờ 13 phút và 16 giờ 16 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Nguyễn Chí Nam, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 8.600.000 đồng

Ngày 14/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Nguyễn Chí Nam, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 6.300.000 đồng; Ngày 14/9/2019, vào lúc 18 giờ 03 phút Nguyễn Anh Tuấn, thực hiện hành vi đánh

bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 4.300.000 đồng. Tổng số tiền Thái Doãn Kiên, đánh bạc với Nguyễn Chí Nam, Nguyễn Anh Tuấn là 10.600.000 đồng

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để nhận tin nhắn đánh lô, đề với nhau. Cách thức đánh đề là lấy hai số cuối của giải đặc biệt nếu người đánh, đánh trúng thì tỷ lệ là 1 ăn 70 lần; Đánh lô là lấy hai số cuối của tất cả các giải xuất hiện trong bảng kết quả, mỗi một điểm lô tương ứng với số tiền 23.000đ, nếu đánh trúng thì được số tiền 80.000đ, nếu số lô xuất hiện ở nhiều giải thưởng thì người trúng được nhân lên tương ứng với các số lô đã xuất hiện trong kết quả xổ số. Số xiên 2 đặt cược hai con số nếu trúng tỷ lệ được thua 1 gấp 10 lần ; Số xiên 3 đặt cược 03 con số, nếu trúng tỷ lệ được thua 1 gấp 40 lần và đều dựa vào kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để đối chiếu xác định kết quả.

Với cách thức đánh như vậy, Thái Doãn Kiên đã sử dụng số điện thoại của Kiên để nhận tin nhắn đánh lô, đề với bị cáo và các đối tượng khác, cụ thể:

- **Thái Doãn Kiên và Nguyễn Chí Nam đánh bạc với nhau:** Ngày 13/9/2019, vào lúc 16 giờ 13 phút và 16 giờ 16 phút Nguyễn Chí Nam dùng điện thoại di động có số điện thoại 0984.275.703 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0977.114.773 của Thái Doãn Kiên, để đánh số lô, số đề với Kiên thì được Kiên đồng ý. Nguyễn Chí Nam, đánh số lô 84, 50, 57, 75 mỗi số 50 điểm. Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Nam. Tổng tiền đánh 4.600.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng thì Nam trúng số lô 84 = 50 điểm tương ứng số tiền 4.000.000đồng. Tổng số tiền đánh và trúng là 8.600.000 đồng, các bị cáo chưa thanh toán tiền thắng, thua cho nhau.

Ngày 14/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút Nguyễn Chí Nam dùng điện thoại di động có số điện thoại 0984.275.703 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0977.114.773 của Thái Doãn Kiên, để đánh số lô, số đề với Kiên thì được Kiên

đồng ý. Nguyễn Chí Nam, đánh số lô 34, 98 mỗi số 50 điểm. Kiên đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Nam. Tổng tiền đánh 2.300.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng thì Nam trúng số lô 34 = 50 điểm tương ứng số tiền 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh và trúng là 6.300.000 đồng, các bị cáo chưa thanh toán tiền thắng, thua cho nhau.

Ngày 15/9/2019, vào lúc 17 giờ 47 phút Nguyễn Chí Nam dùng điện thoại di động có số điện thoại 0984.275.703 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0977.114.773 của Thái Doãn Kiên, để đánh số lô, số đề với Kiên thì được Kiên đồng ý. Nguyễn Chí Nam, đánh số lô 37, 86 mỗi số 50 điểm; Đề 81 = 200.000đồng. Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Nam. Tổng tiền đánh 2.500.000 đồng, Nam chưa thanh toán tiền cho Kiên. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng thì Nam không trúng số nào.

- Thái Doãn Kiên và Hoàng Văn Huynh đánh bạc với nhau:

Ngày 12/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút Hoàng Văn Huynh, dùng điện thoại di động có số điện thoại 0964.427.645 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0977.114.773 của Thái Doãn Kiên, để đánh số lô, số đề với Thái Doãn Kiên thì được Kiên đồng ý. Hoàng Văn Huynh, đánh số lô 88, 24, 42 mỗi số 30 điểm; Đề 72, 52, 47, 57 mỗi số = 25. 000 đồng; Xiên (72, 88), (87, 21) mỗi xiên = 200.000 đồng; Xiên (87, 96, 42) = 100. 000 đồng; Xiên (66, 87, 72) = 50.000đồng, Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Huynh. Tổng tiền đánh 2.720.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng thì Huynh trúng số lô 24 = 30 điểm, tương ứng số tiền 2.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh và trúng là 5.120.000 đồng, các bị cáo chưa thanh toán tiền thắng, thua cho nhau.

Ngoài ra trong quá trình điều tra còn chứng minh được bị can Thái Doãn Kiên còn thực hiện hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức ghi lô, đề với Nguyễn

Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn nhưng số tiền dùng để “Đánh bạc” không đủ mức xử lý về hình sự, cụ thể như sau:

Ngày 11/9/2019, vào lúc 17 giờ 43 phút Nguyễn Anh Tuấn, dùng điện thoại di động có số điện thoại 0983.249.371 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0334431226 của Thái Doãn Kiên, để đánh số lô, số đề với Thái Doãn Kiên thì được Kiên đồng ý. Nguyễn Anh Tuấn, đánh số đề 28 = 1.000.000 đồng Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Tuấn. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng thì Tuấn không trúng. Tuấn chưa thanh toán tiền cho bị cáo Kiên.

Ngày 14/9/2019, vào lúc 18 giờ 03 phút Nguyễn Anh Tuấn, dùng điện thoại di động có số điện thoại 0983.249.371 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0334431226 của Thái Doãn Kiên, để đánh số lô, số đề với Thái Doãn Kiên thì được Kiên đồng ý. Nguyễn anh Tuấn, đánh số lô 33, 88, 83, 81 mỗi số 25 điểm. Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Tuấn. Tổng tiền đánh 2.300.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng thì Tuấn, trúng số lô 83 = 25 điểm, tương ứng số tiền 2.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh và trúng là 4.300.000 đồng, Kiên và Nguyễn Anh Tuấn, chưa thanh toán tiền thắng, thua cho nhau.

Ngày 16/9/2019 Phan Trọng Sơn, sử dụng tài khoản Zalo có tên “Phan Trọng Sơn” của mình nhắn tin đến tài khoản Zalo có tên “Doãn Kiên” của Thái Doãn Kiên, để đánh bạc bằng hình thức ghi số, số đề với nhau, thì được Thái Doãn Kiên, đồng ý. Phan Trọng Sơn, đánh số lô 90, 01, 76, 18, 81 mỗi số 5 điểm; Đề 05, 08, 60, 43, 00, 86, 76, 93, 59 mỗi con = 10.000 đồng. Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận. Tổng tiền đánh 665.000 đồng, Phan Trọng Sơn, chưa thanh toán tiền cho Kiên. Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày khi chưa có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc cùng ngày mở thưởng thì Thái Doãn Kiên bị bắt.

Tại bản cáo trạng số 01/CT – VKS - HS ngày 02/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo Thái Doãn

Kiên, Nguyễn Chí Nam, Hoàng Văn Huynh về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Thái Doãn Kiên từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Nam từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Văn Huynh từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

*. Xử lý vật chứng: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền dùng để đánh bạc trái phép của các bị cáo và các đối tượng Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 12/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Hoàng Văn Huynh, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 5.120.000 đồng.

Ngày 13/9/2019, vào lúc 16 giờ 13 phút và 16 giờ 16 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Nguyễn Chí Nam, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 8.600.000 đồng

Ngày 14/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Nguyễn Chí Nam, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 6.300.000 đồng; Ngày 14/9/2019, vào lúc 18 giờ 03 phút Nguyễn Anh Tuấn, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 4.300.000 đồng. Tổng số tiền Thái Doãn Kiên, đánh bạc với Nguyễn Chí Nam, Nguyễn Anh Tuấn là 10.600.000 đồng

Hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lô, đề của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 BLHS. Số tiền các bị cáo đánh bạc trái phép dưới 50.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội

Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, đồng phạm giản đơn, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, gây

bất bình trong dư luận, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tội phạm khác. Bản thân các bị cáo đều là những thanh niên trưởng thành, được gia đình cho ăn học đầy đủ, có sức khỏe nhưng lười lao động, háms lợi bất chính nên đã phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa các bị cáo ra xét xử kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn tệ nạn đánh bạc trái phép trên địa bàn.

Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo trong vụ án:

Đối với bị cáo Thái Doãn Kiên tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ là ông Thái Doãn Kiệm có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; Sau khi phạm tội đã có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án như nộp lại điện thoại là phương tiện nhắn tin đánh bạc, số tiền dùng để đánh bạc. Những tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt; Nhân thân bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thì chưa cần thiết cách ly, cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ giáo dục để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án nên mức hình phạt PH cao hơn các bị cáo khác, mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng và đúng mức, cần chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Chí Nam tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; Sau khi phạm tội đã có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm

trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án như nộp lại điện thoại là phương tiện nhắn tin đánh bạc, số tiền dùng để đánh bạc. Những tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt; Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thì chưa cần thiết cách ly, cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ giáo dục để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Bị cáo giữ vai trò sau bị cáo Kiên nên được hưởng mức hình phạt thấp hơn, mức hình phạt từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng và đúng mức, cần chấp nhận.

Đối với bị cáo Hoàng Văn Huynh tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào nhưng có 04 tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; Sau khi phạm tội đã có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án như nộp lại điện thoại là phương tiện nhắn tin đánh bạc, số tiền dùng để đánh bạc. Những tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt; Bị cáo nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có vai trò thấp nhất trong vụ án nên chưa cần thiết cách ly, cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ giáo dục để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng và đúng mức, cần chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Các bị cáo công việc, thu nhập không ổn định (Bị cáo Kiên làm nghề dán nilon trang trí xe máy, bị cáo Nam và Huynh đang thất nghiệp), đang ở chung nhà với bố mẹ nên nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

Đối với các đối tượng Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn do số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, các đối tượng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc; Không thuộc trường hợp bị kết án về tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc chưa được xóa án tích, chưa đủ căn cứ khởi tố về tội đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương đã xử lý hành chính là đúng quy định.

- Về vật chứng của vụ án: Số tiền các bị cáo và Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn dùng để đánh bạc trái phép và điện thoại dùng làm phương tiện liên lạc đánh bạc trái phép cần tịch thu, sung quỹ nhà nước

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Thái Doãn Kiên, Nguyễn Chí Nam, Hoàng Văn Huynh phạm tội “Đánh bạc”.

2. Điều luật và mức hình phạt:

- **Đối với bị cáo Thái Doãn Kiên:** Căn cứ khoản 1, Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Thái Doãn Kiên 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt là 09 ngày. Bị cáo còn pH chấp hành 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng 21 (Hai mươi một) ngày.

Giao bị cáo cho UBND xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ

ngày UBND xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- **Đối với bị cáo Nguyễn Chí Nam:** Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Nam 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt là 09 ngày. Bị cáo còn pH chấp hành 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày.

Giao bị cáo cho UBND xã Thái Sơn, huyện Đô Lương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- **Đối với bị cáo Hoàng Văn Huynh:** Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 36, Điều 58, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Huynh 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho UBND xã Thái Sơn, huyện Đô Lương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước toàn bộ số tiền dùng để đánh bạc trái phép của các bị cáo và Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn cụ thể: Thái Doãn Kiên 12.400.000 đồng; Nguyễn Chí Nam 9.400.000 đồng; Hoàng Văn Huynh 2.720.000 đồng; Nguyễn Anh Tuấn 3.300.000 đồng; Phan Trọng Sơn 665.000đồng. Tổng cộng 28.485.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo giấy nộp tiền vào tài khoản 3949.0.1053629.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện Đô Lương của Công an huyện Đô Lương ngày 13 tháng 11 năm 2019.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ điện thoại mà các bị cáo và Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn dùng để liên lạc đánh bạc gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 PRIME, màu đen, có sim số điện thoại 0977.114.773 và 0856612773 của Thái Doãn Kiên; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105, màu đen, có sim số điện thoại 0334431226 của bị can Thái Doãn Kiên. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG M20, màu đen, có sim số điện thoại 0984.275.703 của Nguyễn Chí Nam. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại F1 PLUS, màu hồng, có gắn sim số 0964.427.645 của Hoàng Văn Huynh. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105, màu đen, có gắn sim số 0983.249.371 của Nguyễn Anh Tuấn. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A37, màu hồng của Phan Trọng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 12 năm 2019

5. Về án phí: Các bị cáo Thái Doãn Kiên, Nguyễn Chí Nam, Hoàng Văn Huynh mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:

- Các bị cáo.
- VKSND H. Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;
- Cơ quan THA hình sự H. Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 7/2018 Đào Tất Tình đã thực hiện 21 vụ trộm cắp tài sản là xe máy của 21 người bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 270.000.000 đồng. Nguyễn Đình Khai cùng với Đào Tất Tình đã thực hiện 20 vụ trộm cắp tài sản là xe máy của 20 người bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 258.000.000 đồng. Nguyễn Văn Đông cùng với Đào Tất Tình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản là xe máy gây thiệt hại 12.000.000 đồng. Ngoài ra Nguyễn Văn Đông còn có hành vi tàng trữ 0,3 gam ma túy tổng hợp Methamphetamine mục đích để sử dụng cá nhân. Hoàng Văn Dũng tiêu thụ 03 xem này do Đào Tất Tình và Nguyễn Đình Khai trộm cắp, trị giá 37.000.000 đồng.

Ngoài các hành vi trên, Đào Tất Tình, Nguyễn Văn Đông còn khai nhận đã trộm 02 xem máy khác nữa. Đào Tất Tình, Nguyễn Đình Khai còn khai nhận đã trộm 04 xe máy khác nữa. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được bị hại và các đối tượng đã mua xe nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Đào Tất Tình, Nguyễn Đình Khai, Nguyễn Văn Đông đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Trị giá tài sản mà bị cáo Đào Tất Tình và Nguyễn Đình Khai chiếm đoạt của người bị hại có trị giá 270.000.000 đồng và 258.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố bị cáo Nguyễn Tất Tình,

Nguyễn Đình Khai theo điểm 3 khoản 3 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 12.000.000 đồng và hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma Ty của các bị cáo Nguyễn Văn Đông đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” theo quy định tại Điều 173, 249 Bộ luật hình sự. Số lượng ma Ty (Methamphetamine) bị cáo tàng trữ trái phép là 0,3 gam nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi tiêu thụ tài sản của Hoàng Văn Dũng biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có, tuy không hứa hẹn trước nhưng vẫn mua bán, trao đổi đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do trị giá tài sản, vật phạm pháp trị giá 37.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 323 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đồng phạm chặt chẽ, diễn ra trong thời gian dài đối với hành vi trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật B vệ, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về việc cất giữ chất ma Ty; xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, làm mất trật tự trị an trên địa bàn huyện, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Cách thức thực hiện hành vi ngang nhiên, coi thường pháp luật. Vì vậy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vai trò của bị cáo trong vụ án:

- Đối với bị cáo Đào Tất Tình: Tham gia vụ án với vai trò chính cùng với Nguyễn Đình Khai thực hiện 20 hành vi và Nguyễn Văn Đông 01 hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm

qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và có bác ruột là Đào Tất Tốn là liệt sỹ, bà nội là Đậu Thị Khiêu có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù là thỏa đáng và đúng mức. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình Khai: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm cùng với Đào Tất Tình thực hiện 20 hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù là thỏa đáng và đúng mức. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đông: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm cùng với Đào Tất Tình thực hiện 01 hành vi trộm cắp tài sản và tàng trữ trái phép chất ma Ty. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 15 đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo PH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 24 đến 30 tháng tù là phù hợp. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn Dũng: Mặc dù biết rõ tài sản do Tình, Khai phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù là thỏa đáng.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên, nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với những người đã mua lại xe máy của Đào Tất Tinh, Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Đình Khai do trộm cắp mà có là Nguyễn Cảnh Thực, Nguyễn Thị Hương, Đặng Ngọc Nga, Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Thế Thảo, Nguyễn Quang Đại, Nguyễn Quang Phúc, Nguyễn Thành Hành, Nguyễn Văn Song, Nguyễn Thị Văn, Nguyễn Văn Lực, Trần Trung Hiếu, Nguyễn Thúc Trị, Lưu Văn Sang. Tuy nhiên khi mua xe máy những người này đều không biết được đây là tài sản do trộm cắp mà có. Hành vi của họ không cấu thành tội phạm, không có cơ sở để xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe máy Jupiter BKS – 3738 do Nguyễn Công Đức sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, chiếc xe thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Công Trung. Anh Trung không biết việc bị cáo dùng xe để đi trộm cắp nên cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý là đúng quy định.

- Về dân sự: Bị cáo thông qua bố đẻ của mình là ông Nguyễn Công Trung bồi thường đầy đủ thiệt hại cho anh Võ Văn Thịnh, anh Thịnh không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Về vật chứng của vụ án: 01 khóa dây dài 60cm, đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2018 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công Đức phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công Đức 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/10/2018)

Giao bị cáo cho UBND xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Công Đức.

3. Về dân sự: Miễn xét.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 khóa dây dài 60cm, đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2018.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Công Đức pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- BC, NBH, NCQLNVLQ;
- VKSND H. Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: /2019/HSST

Ngày: 24/04/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

- *Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Trần Văn Luyện

+ Ông: Nguyễn Tất Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Nguyên Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28/06/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2019/HSST ngày 03/04/2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Hữu H Phú, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1994

Địa chỉ: Xóm 05, xã Quang Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Con ông: Lê Hữu Tâm, sinh năm 1968

Con bà: Lê Thị Hòa, sinh năm 1974

Anh, chị em ruột: 02 người, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 cho đến ngày 30/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Hoàng Văn B, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1994

Địa chỉ: Xóm 06, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Con ông: Hoàng Văn Mỹ, sinh năm 1966

Con bà: Hoàng Thị Nguyệt, sinh năm 1977

Anh, chị em ruột: 02 người, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2019 cho đến nay tại trại tạm giam thuộc công an tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 05/11/2018 đến ngày 15/11/2018 Lê Hữu H Phú đã nhận tin nhắn đánh bạc bằng hình thức lô, đề trái phép với Hoàng Văn B cụ thể:

- Ngày 05/11/2018 đánh với số tiền 8.400.000đ (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Ngày 06/11/2018 đánh với số tiền là 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*).

- Ngày 07/11/2018 đánh với số tiền là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

- Ngày 08/11/2018 đánh với số tiền là 7.400.000đ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Ngày 09/11/2018 đánh với số tiền là 19.450.000đ (Mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).
- Ngày 10/11/2018 đánh với số tiền là 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Ngày 11/11/2018 đánh với số tiền là 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng).
- Ngày 12/11/2018 đánh với số tiền là 4.600.000 đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Ngày 13/11/2018 đánh với số tiền là 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Ngày 14/11/2018 đánh với số tiền là 25.400.000 đ (Hai lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Ngày 15/11/2018 đánh với số tiền là 6.900.000đ (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận chiều ngày 05/11/2018 Lê Hữu H Phú căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để nhận tin nhắn đánh lô, đề của người khác. Cách thức đánh đề là lấy hai số cuối của giải đặc biệt nếu người đánh, đánh trúng thì tỷ lệ là 1 ăn 70 lần; Đánh lô là lấy hai số cuối của tất cả các giải xuất hiện trong bảng kết quả, mỗi một điểm lô tương ứng với số tiền 23.000đ, nếu đánh trúng thì được số tiền 80.000đ, nếu số lô xuất hiện ở nhiều giải thưởng thì người trúng được nhân lên tương ứng với các số lô đã xuất hiện trong kết quả xổ số.

Xiên đôi được quy định là một cặp số gồm hai số cuối xuất hiện ở tất cả các giải thưởng trong bảng kết quả, mỗi một số xiên đôi nếu trúng thì tỷ lệ thắng là 1 ăn 100; Số xiên ba được quy định 1 xiên gồm ba số mà trong đó mỗi số là hai chữ số cuối của mỗi số xuất hiện ở tất cả các giải thưởng trong bảng

kết quả, mỗi một số xiên ba nếu trúng thì tỷ lệ thắng là 1 ăn 400; Số ba càng được quy định là ba số cuối của giải đặc biệt, khi báo một số ba càng nếu trúng thì tỷ lệ thắng là 1 ăn 400 lần.

Với cách thức như vậy vào chiều ngày 05/11/2018 Lê Hữu H Phú đã nhận tin nhắn đánh bạc dưới hình thức lô, đề ề với Hoàng Văn B. Cụ thể B đánh với Phú: Lô 96, 85 mỗi số 150 điểm; Xiên đôi 23-50 số tiền 1.000.000đ; Xiên đôi 05-15 số tiền 500.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 8.400.000đ (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

- Vào ngày 06/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 28 – 200 điểm, số lô 82 – 100 điểm. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

- Vào ngày 07/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 73 – 200 điểm, số lô 37 – 100 điểm; Xiên ba (73-94-05) số tiền 500.000đ; Đề 63, 64, 65 mỗi số 200.000đ. Tổng số tiền mà Phú và B ghi số lô, số đề trái phép là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B trúng số lô 37 – 100 điểm, tương ứng với số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Như vậy tổng số tiền đánh bạc trong ngày 07/11/2018 giữa Phú và B là 16.000.000 đ (*Mười sáu triệu đồng*).

+ Vào ngày 08/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 86 – 200 điểm, số lô 03 – 100 điểm; các số đề 36, 56, 14, 86, 34 mỗi số 100.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 7.400.000đ (*Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 09/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 56, 65 mỗi số 150 điểm; Số xiên bốn (35,82,92,16) số tiền 300.000đ; Các số đề 24, 42, 22, 44 mỗi số 50.000đ; Số ba càng 422 số tiền 50.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 7.450.000đ (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi*

ngàn đồng). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng thì B trúng số lô 56 – 150 điểm, tương ứng với số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Như vậy tổng số tiền đánh bạc trong ngày 09/11/2018 giữa Phú và B là 19.450.000 đ (Mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Vào ngày 10/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 65, 56 mỗi số 100 điểm; Số xiên ba (12-24-56) số tiền 500.000đ; Các số đề 54, 45, 34, 43, 04, 40 mỗi số 50.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 11/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 56, 65 mỗi số 100 điểm; Các số đề 34, 43, 58, 85 mỗi số 50.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 12/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 18, 81 mỗi số 100 điểm. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 4.600.000 đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 13/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 48, 84 mỗi số 100 điểm. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 14/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 03 – 200 điểm, các số lô 23, 32 mỗi số 100 điểm, các số đề 45, 88, 41, 94 mỗi số 50.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B trúng số lô 03 – 200 điểm, tương ứng với số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

Như vậy tổng số tiền đánh bạc trong ngày 14/11/2018 giữa Phú và B là 25.400.000 đ (Hai lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Vào ngày 15/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 24, 42 mỗi số 150 điểm. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào. (BLHS: 97 – 120).

Tại bản cáo trạng số 39/CT - VKS ngày 02/4//2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo Lê Hữu H Phú và Hoàng Văn B về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Lê Hữu H Phú từ 10 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 07 đến 09 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

*. Xử lý Vật chứng:

- Tịch thu, sung công toàn bộ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép đã giao nhận cho nhau từ ngày 05/11/2018 đến ngày 15/11/2018, cụ thể: Bị cáo Lê Hữu H Phú 143.600.000 đồng; bị cáo Hoàng Văn B: 36.000.000 đồng.

- Tịch thu, sung công 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, màu vàng, dùng sim số 0369.650.396 của Hoàng Văn B dùng làm phương tiện liên lạc đánh bạc trái phép theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2019).

Các bị cáo đều nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong thời gian từ ngày 05/11/2018 đến ngày 15/11/2018 Lê Hữu H Phú đã nhận tin nhắn đánh bạc trái phép dưới hình thức lô đề với Hoàng Văn B 10 lần với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 179.600.000 đồng.

Hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lô, đề của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, đồng phạm giản đơn, phạm tội nhiều lần, số tiền dùng để đánh bạc nhiều, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tội phạm khác. Bản thân các bị cáo đều là những thanh niên trưởng thành, được gia đình cho ăn học đầy đủ, có sức khỏe nhưng lười lao động, háms lợi bất chính nên đã phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa các bị cáo ra xét xử kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn tệ nạn

đánh bạc trái phép trên địa bàn, cần pH cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo trong vụ án:

Tại thời điểm phạm tội cả hai bị cáo đều có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Lê Hữu H Phú có ông bà ngoại là Lê Quang Hữu – Lê Thị Hữu có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo Hoàng Văn B có ông ngoại là Hoàng Xuân Mận có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo phần nào hình phạt để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, do các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án nên mức hình phạt 12 đến 15 tháng tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo sống chung với bố mẹ, lao động tự do, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép và điện thoại dùng làm phương tiện liên lạc đánh bạc trái phép cần tịch thu sung công.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình

sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu H Phú và Hoàng Văn B phạm tội “Đánh bạc”

2. Xử phạt:

- Bị cáo Lê Hữu H Phú 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 30/01/2019.

- Bị cáo Hoàng Văn B 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 16/01/2019).

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung công toàn bộ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc từ ngày 05/11/2018 đến ngày 15/11/2018, cụ thể: Bị cáo Lê Hữu H Phú 143.600.000 đồng; bị cáo Hoàng Văn B: 36.000.000 đồng.

- Tịch thu, sung công 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, màu vàng, dùng sim số 0369.650.396 của Hoàng Văn B dùng làm phương tiện liên lạc đánh bạc trái phép (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2019).

5. Về án phí: Các bị cáo Lê Hữu H Phú và Hoàng Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:

- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- VKSND H. Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;
- Cơ quan THA hình sự H. Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Khánh

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 7/2018 Đào Tất Tình đã thực hiện 21 vụ trộm cắp tài sản là xe máy của 21 người bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 270.000.000 đồng. Nguyễn Đình Khai cùng với Đào Tất Tình đã thực hiện 20 vụ trộm cắp tài sản là xe máy của 20 người bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 258.000.000 đồng. Nguyễn Văn Đông cùng với Đào Tất Tình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản là xe máy gây thiệt hại 12.000.000 đồng. Ngoài ra Nguyễn Văn Đông còn có hành vi tàng trữ 0,3 gam ma Ty tổng hợp Methamphetamine mục đích để sử dụng cá nhân. Hoàng Văn Dũng tiêu thụ 03 xem này do Đào Tất tình và Nguyễn Đình Khai trộm cắp, trị giá 37.000.000đồng.

Ngoài các hành vi trên, Đào Tất Tình, Nguyễn Văn Đông còn khai nhận đã trộm 02 xem máy khác nữa. Đào Tất Tình, Nguyễn Đình Khai còn khai nhận đã trộm 04 xe máy khác nữa. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được bị hại và các đối tượng đã mua xe nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Đào Tất Tình, Nguyễn Đình Khai, Nguyễn Văn Đông đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Trị giá tài sản mà bị cáo Đào Tất Tình và Nguyễn Đình Khai chiếm đoạt của người bị hại có trị giá 270.000.000 đồng và 258.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố bị cáo Nguyễn Tất Tình, Nguyễn Đình Khai theo điểm 3 khoản 3 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 12.000.000 đồng và hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma Ty của các bị cáo Nguyễn Văn Đông đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” theo quy định tại Điều 173, 249 Bộ luật hình sự. Số lượng ma Ty (Methamphetamine) bị cáo tàng trữ trái phép là 0,3 gam nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi tiêu thụ tài sản của Hoàng Văn Dũng biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có, tuy không hứa hẹn trước nhưng vẫn mua bán, trao đổi đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do trị giá tài sản, vật phạm pháp trị giá 37.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 323 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đồng phạm chặt chẽ, diễn ra trong thời gian dài đối với hành vi trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật B vệ, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về việc cất giữ chất ma Ty; xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, làm mất trật tự trị an trên địa bàn huyện, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Cách thức thực hiện hành vi ngang nhiên, coi thường pháp luật. Vì vậy cần lên một mức án tương

xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vai trò của bị cáo trong vụ án:

- Đối với bị cáo Đào Tất Tình: Tham gia vụ án với vai trò chính cùng với Nguyễn Đình Khai thực hiện 20 hành vi và Nguyễn Văn Đông 01 hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và có bác ruột là Đào Tất Tốn là liệt sỹ, bà nội là Đậu Thị Khiêu có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù là thỏa đáng và đúng mức. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình Khai: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm cùng với Đào Tất Tình thực hiện 20 hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù là thỏa đáng và đúng mức. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đông: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm cùng với Đào Tất Tình thực hiện 01 hành vi trộm cắp tài sản và tàng trữ trái phép chất ma Ty. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 15 đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty”. Tổng hợp hình

phạt buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 24 đến 30 tháng tù là phù hợp. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn Dũng: Mặc dù biết rõ tài sản do Tình, Khai phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù là thỏa đáng.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên, nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với những người đã mua lại xe máy của Đào Tất Tình, Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Đình Khai do trộm cắp mà có là Nguyễn Cảnh Thực, Nguyễn Thị Hương, Đặng Ngọc Nga, Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Thế Thảo, Nguyễn Quang Đại, Nguyễn Quang Phúc, Nguyễn Thành Hành, Nguyễn Văn Song, Nguyễn Thị Văn, Nguyễn Văn Lực, Trần Trung Hiếu, Nguyễn Thúc Trị, Lưu Văn Sang. Tuy nhiên khi mua xe máy những người này đều không biết được đây là tài sản do trộm cắp mà có. Hành vi của họ không cấu thành tội phạm, không có cơ sở để xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe máy Jupiter BKS – 3738 do Nguyễn Công Đức sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, chiếc xe thuộc quyền sở hữu của anh

Nguyễn Công Trung. Anh Trung không biết việc bị cáo dùng xe để đi trộm cắp nên cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý là đúng quy định.

- Về dân sự: Bị cáo thông qua bố đẻ của mình là ông Nguyễn Công Trung bồi thường đầy đủ thiệt hại cho anh Võ Văn Thịnh, anh Thịnh không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Về vật chứng của vụ án: 01 khóa dây dài 60cm, đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2018 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công Đức phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công Đức 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/10/2018)

Giao bị cáo cho UBND xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Công Đức.

3. Về dân sự: Miễn xét.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 khóa dây dài 60cm, đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2018.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Công Đức pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- BC, NBH, NCQLNVLQ;
- VKSND H. Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: /2020/HSST

Ngày: 30/03/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

- *Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Trần Văn Luyện

+ Ông: Nguyễn Văn Dương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/02/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Thái Khắc Công, sinh ngày 15/11/1976. Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Xóm 14 cũ (Xóm Thịnh Tâm mới), xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12.

Họ tên cha: Thái Khắc Sáu (Đã chết)

Họ tên mẹ: Trần Thị Mai, sinh năm 1933

Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ 05.

Vợ: Ngô Thị Tâm; Sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Xuất khẩu lao động

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 01/3/2001 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Lưu hành tiền giả”. Chấp hành xong ngày 3/9/2002.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ 09 ngày kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2019, đến ngày 18 tháng 11 năm 2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh: Thái Đình Dân, sinh ngày 20/06/1988

Nơi cư trú: Xóm Vũ Vũ, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

-Chị: Ngô Thị Thương, sinh ngày 02/06/1986

Nơi cư trú: Xóm 03 (Mới), xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

-Chị: Lê Thị Nga, sinh ngày 25/8/1984

Nơi cư trú: Xóm 02, xã Văn Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

-Chị: Nguyễn Thị Tý Anh, sinh ngày 20/07/1984

Nơi cư trú: Xóm 01 (Mới), xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 11/02/2018 đến ngày 9/11/2019 tại nhà ở của Thái Khắc Công thuộc xóm Thịnh Tâm (mới) – Xóm 14 (cũ), xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Thái Khắc Công đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính đối với anh Thái Đình Dân số tiền 6.678.083đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng), chị Ngô Thị Thương số tiền 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng), chị Lê Thị Nga số tiền 21.142.466 đồng (Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), chị Nguyễn Thị Tý Anh số tiền 192.932.466 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng số tiền Thái Khắc Công thu lợi bất chính là 226.095.481 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng)

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Thái Khắc Công khai nhận từ ngày 11/02/2018 đến ngày 09/11/2019, do quen biết từ trước, bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với các cá nhân, cụ thể:

- **Giao dịch với anh Thái Đình Dân:** Ngày 11/11/2018, Công cho anh Dân vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày) tức lãi suất 180%/năm. Đến ngày 11/12/2018, anh Dân đã trả cho Công cả gốc lẫn lãi với số tiền là 57.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi là 7.500.000 đồng. Theo quy định, lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự cho phép là 20 %/năm (Sau đây gọi tắt là lãi suất theo qui định) - tức 5/3 %/tháng, tức 4/73 %/ngày (Do năm 2018 có

365 ngày) nên số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà Công được thu 30 ngày tiền lãi của khoản vay 50.000.000đồng là 821.917 đồng. Số tiền thu lợi bất chính mà Công thu được từ việc cho anh Dân vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 6.678.083đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).

- **Giao dịch với chị Ngô Thị Thương:** Ngày 25/9/2019, Công cho chị Thương vay số tiền 40.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000đ (Năm nghìn đồng)/ 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 1 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày) tức lãi suất 180%/năm và đóng tiền lãi vào ngày 25 hàng tháng. Ngày 25/10/2019, chị Thương trả cho Công tiền lãi 01 tháng với số tiền 6.000.000đồng. Từ đó đến nay chị Thương chưa trả thêm số lãi hay gốc nào cho Công. Lãi suất theo qui định số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà Công được thu là 30 ngày tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng là 657.534 đồng. Như vậy, số tiền Công thu lợi bất chính từ việc cho chị Thương vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

- **Các giao dịch với chị Lê Thị Nga:** Bị cáo cho chị Nga vay tiền 03 lần, cụ thể:

+. Lần 1: Ngày 26/3/2019, Công cho chị Nga vay 10.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất là 5.000đồng (Năm nghìn đồng)/ 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày) tức lãi suất 180%/năm. Khi vay Công yêu cầu chị Nga viết giấy vay 10.000.000 đồng + 1.500.000 đồng. Trong đó 1.500.000 đồng là tiền lãi 01 tháng và hẹn đến 26/4/2019 sẽ trả.

+. Lần 2: Ngày 28/3/2019, Công cho chị Nga vay 10.000.000 đồng (cũng với thỏa thuận lãi suất như trên. Ngay sau khi vay xong, Công cắt tiền lãi tháng đầu là 1.500.000đồng, nên thực tế chị Nga chỉ nhận được 8.500.000đồng.

+.Lần 3: Ngày 02/4/2019, Công cho chị Nga vay số tiền 10.000.000đồng cũng với thỏa thuận lãi suất như trên. Sau đó một thời gian (Công và chị Nga đều không nhớ chính xác nhưng trước ngày 30/5/2019), chị Nga trả cho Công 1.500.000đồng tiền lãi, đồng thời viết giấy hẹn đến ngày 30/5/2019 sẽ trả 36.000.000đồng. Trong đó 30.000.000đồng tiền gốc và 6.000.000đồng là tiền lãi còn thiếu tính đến 30/5/2019 – Đây là tiền lãi 02 tháng của cả 3 lần vay trừ đi 1.500.000 đồng (Cắt ngày 28/3/2019 và trừ đi 1.500.000 đồng) đã thu tiền mặt.

Đến ngày 30/5/2019, chị Nga không trả đúng hạn nên ngày 01/6/2019, Công và chị Nga thỏa thuận viết giấy hạn đến 01/7/2019 sẽ trả 50.000.000đồng. Trong đó: 36.000.000đồng là khoản nợ tính đến 30/5/2019 và 14.000.000đồng là tiền lãi tính đến 01/7/2019 cộng với tiền phạt do chậm trả.

Đến ngày 01/7/2019, chị Nga không trả đúng hạn nên ngày 20/7/2019, chị Nga và Công thỏa thuận viết giấy hạn đến 20/01/2020 sẽ trả 150.000.000đồng. Trong đó 50.000.000đồng là số tiền nợ tính đến 01/7/2019 và số còn lại là tiền lãi cộng phạt. Cho đến nay chị Nga vẫn chưa trả thêm được cho Công số tiền nào.

Như vậy, tổng số tiền lãi và phạt Công đã thu của chị Nga là: 1.500.000đồng (Cắt ngày 28/3/2019) + 1.500.000 đồng (trả lãi tiền mặt) + 6.000.000đồng (Lãi nhập vào gốc và tiếp tục tính lãi ngày 01/6/2019 nên coi như đã thu lãi) + 14.000.000đ (Lãi và phạt nhập vào gốc và tiếp tục tính lãi ngày 20/7/2019) = 23.000.000 đồng, đối với số tiền trong giấy hạn ghi ngày 20/7/2019 do chưa đến hạn (20/01/2020) và chưa phát sinh lợi tức nên không tính tang số để xác định trách nhiệm hình sự. Lãi suất theo qui định, số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà Công được thu là 116 ngày tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng ngày 26/3/2019 + 114 ngày tiền lãi của khoản vay 10.000.000đồng ngày 28/3/2019 + 109 ngày tiền lãi của khoản vay 10.000.000đồng ngày 02/4/2019, tổng cộng là 1.857.534 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng).

Số tiền thu lợi bất chính Công thu được từ việc cho chị Nga vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 23.000.000đồng – 1.873.973đồng = 21.126.027 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- **Các giao dịch với chị Nguyễn Thị Tý Anh:** Vào khoảng ngày 11-12/02/2018, chị Anh vay Công số tiền 20.000.000 đồng, với thỏa thuận lãi suất 5.000đ (Năm nghìn đồng)/ 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ 01 ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày), tức lãi suất 180%/ 01 năm, cứ đến ngày 11-12 hàng tháng sẽ đóng tiền lãi. Tính đến tháng 07/2018, chị Anh đã giao cho Công 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Ngày 26/7/2018, chị Anh trả cho Công 1.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày này đến tháng 10/2018, chị Anh trả 3 tháng tiền lãi của khoản vay 19.000.000đồng là 8.550.000đồng. Ngày 08/10/2018, chị Anh trả cho Công số tiền 3.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày này

đến tháng 11/2018, chị Anh đã trả cho Công tiền lãi 01 tháng của khoản vay 16.000.000đồng là 2.400.000đồng.

Ngày 08/11/2018, chị Anh vay thêm Công số tiền 4.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất như cũ thành tổng tiền gốc vay là 20.000.000 đồng, chị Anh hẹn Công đến 16/12/2018 sẽ trả cho Công nhưng đến hạn chị Anh không trả được nên ngày 12/01/2019, Công và chị Anh đã thỏa thuận chị Anh viết giấy nợ Công số tiền 35.000.000đồng; trong đó: 20.000.000đồng (Tiền gốc) + tiền lãi tính đến ngày 12/01/2018 và tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc. Đồng thời chị Anh hẹn Công đến ngày 16/01/2019 sẽ trả. Ngày 16/01/2019, chị Anh trả cho Công số tiền 9.000.000đồng và còn nợ số tiền 26.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2019, chị Anh vay thêm Công số tiền 10.000.000đồng và thỏa thuận chị Anh viết giấy số tiền 40.000.000 đồng, trong đó: 26.000.000đồng (Nợ cũ) + 10.000.000 đồng (vay thêm) + số tiền lãi tính đến ngày 29/01/2019 và số tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc.

Ngày 05/02/2019, chị Anh vay thêm Công số tiền 10.000.000đồng và thỏa thuận chị Anh viết giấy vay nợ với số tiền 55.000.000 đồng; trong đó: 40.000.000 đồng (nợ cũ) + 10.000.000 đồng (vay thêm) + tiền lãi tính đến ngày 05/02/2019 + tiền phạt, và chị Anh hẹn đến **04/4/2019 sẽ trả.**

Đến ngày 30/3/2019, Công hỏi tiền chị Anh nhưng chị Anh chưa có tiền gốc và tiền lãi để trả cho Công, nên Công và chị Anh thỏa thuận tính thêm vào gốc 15.000.000đồng; trong đó gồm: tiền lãi tính đến ngày 30/3/2019 + tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc nên chị Anh viết giấy vay nợ số tiền 70.000.000đồng và hẹn đến 03/4/2019 chị Anh sẽ trả.

Đến ngày 03/4/2019, chị Anh không trả đúng hạn nên 10/4/2019, Công và chị Anh đã thống nhất viết giấy vay số tiền 105.000.000đồng, bao gồm: 70.000.000đồng (nợ cũ) + 35.000.000đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả tiền vay và tiền lãi).

Ngày 30/5/2019, ông Nguyễn Văn Minh là bố của Nguyễn Thị Tý Anh giúp chị Anh trả nợ cho Công số tiền 30.000.000 đồng, Công bớt cho 5.000.000đồng nên chị Anh viết giấy vay nợ số tiền 70.000.000 đồng, chị Anh hẹn đến ngày 15/7/2019 sẽ trả đủ.

Ngày 06/6/2019, ông Minh tiếp tục giúp chị Anh trả nợ cho Công số tiền 50.000.000 đồng. Ngay sau đó, chị Anh lại vay lại số tiền 20.000.000 đồng, nên tổng tiền chị Anh nợ Công đến thời điểm này là 40.000.000 đồng.

Đến ngày 20/7/2019, chị Anh không trả được cho Công số tiền nào cả nên Công và chị Anh tiếp tục thỏa thuận tính lãi + tiền phạt = 25.000.000 đồng nên chị Anh viết giấy nợ số tiền 65.000.000 đồng và hẹn đến ngày 08/8/2019 sẽ trả.

Đến ngày 08/8/2019, chị Anh vẫn chưa trả tiền cho Công, chị Anh và Công thỏa thuận viết giấy vay nợ số tiền 75.000.000 đồng, bao gồm: 65.000.000 đồng (nợ cũ) + 10.000.000 đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả tiền lãi và tiền gốc) và hẹn đến ngày 10/8/2019 chị Anh sẽ trả.

Đến ngày 10/8/2019 chị Anh không trả được tiền theo đúng hẹn nên ngày 12/9/2019, chị Anh với Công thỏa thuận viết giấy chị Anh nợ số tiền 100.000.000 đồng, bao gồm: 75.000.000 đồng (nợ cũ)+ 25.000.000 đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả tiền vay gốc và tiền lãi) và hẹn đến ngày 13/9/2019 sẽ trả.

Đến sáng ngày 13/9/2019, chị Anh không trả nên Công và chị Anh đã thỏa thuận chị Anh viết giấy nợ 115.000.000 đồng, trong đó: 100.000.000 đồng (nợ cũ) + 15.000.000 đồng (tiền phạt do chậm trả tiền vay gốc và tiền lãi) và hẹn đến 19 giờ 30 phút ngày 13/9/2019 sẽ trả. Nhưng đến hẹn chị Anh vẫn không trả được.

Ngày 14/9/2019, chị Anh trả cho Công số tiền 10.000.000 đồng, nhưng do chị Anh trả chậm hẹn nên Công và chị Anh đã thỏa thuận chỉ trừ 5.000.000 đồng vào khoản nợ trước đó và 5.000.000 đồng còn lại là tiền phạt do trả chậm hẹn. Nên chị Anh đã viết giấy vay nợ số tiền 110.000.000 đồng và hẹn đến 21/9/2019 sẽ trả.

Đến ngày 21/9/2019, chị Anh vẫn không trả được số tiền nào cả, nên Công và chị Anh thỏa thuận viết giấy vay nợ số tiền 130.000.000 đồng. Trong đó: 110.000.000 đồng + 20.000.000 đồng (tiền lãi + tiền phạt do chậm trả) và hẹn đến ngày 26/9/2019 sẽ trả. Nhưng đến hẹn chị Anh vẫn không trả được.

Đến ngày 02/10/2019, chị Anh vẫn chưa trả được số tiền nào, nên Công và chị Anh tiếp tục thỏa thuận viết giấy vay nợ số tiền 150.000.000 đồng, bao gồm: 130.000.000 đồng (nợ cũ) + 20.000.000 đồng (tiền lãi + số tiền phạt do chậm trả) và hẹn đến ngày 10/11/2019 sẽ trả. Nhưng đến hẹn chị Anh vẫn không trả được.

Ngày 13/10/2019, chị Anh trả bớt cho Công số tiền 20.000.000 đồng, Công bớt thêm cho chị Anh thêm 10.000.000 đồng nên chị Anh viết giấy nợ với số tiền 120.000.000 đồng. Cho đến nay, chị Anh không trả thêm cho Công bất kỳ số tiền nào cả.

Như vậy, tổng số tiền Công cho chị Anh vay là 64.000.000 đồng (Gồm 20.000.000 đồng (ngày 11-12/02/8) + 4.000.000đồng (ngày 08/11/2018) + 10.000.000 đồng (ngày 29/01/2019) + 10.000.000đồng (ngày 06/6/2019).

Tổng số tiền chị Anh đã trả cho Công (tính cả khoản bố chị Anh trả hộ) là: 148.950.000 đồng (Gồm 15.000.000đ (trả tiền lãi 5 tháng của khoản vay 20.000.000đ) + 1.000.000đ (Anh trả bớt gốc ngày 26/7/2018) + 8.550.000đ (trả tiền lãi 3 tháng của khoản vay 19.000.000đ) + 3.000.000đ (Anh trả bớt gốc ngày 08/10/2018) + 2.400.000đ (trả tiền lãi 1 tháng của khoản vay 16.000.000đ) + 9.000.000đ (ngày 16/1/2019 chị Anh trả tiền lãi và phạt cho Công) + 30.000.000đ (ngày 30/5/2019, bố của chị Anh là ông Minh trả tiền lãi và tiền phạt) + 50.000.000đ (ngày 06/6/2019, ông Minh trả tiền lãi và tiền phạt cho Công) + 10.000.000đ (ngày 14/9/2019, chị Anh trả tiền lãi và tiền phạt cho Công) + 20.000.000đ (ngày 13/10/2019, chị Anh trả cho Công)

Số tiền đã xác nhận nợ cuối cùng trước khi cơ quan CSĐT phát hiện là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) được xác nhận theo giấy vay tiền viết ngày 13/10/2019 sau khi đã trả bớt 20.000.000đồng và cho 10.000.000đồng.

Như vậy tổng số lãi mà Công có được từ việc cho chị Anh vay là 204.950.000 đồng (Gồm tổng số tiền đã thu (148.950.000 đồng) + Số nợ được xác nhận cuối cùng (120.000.000 đồng) – Số gốc đã cho vay (64.000.000đồng).

Căn cứ vào lãi suất theo qui định, số tiền lãi hợp pháp cao nhất mà Công được thu bao gồm 196 ngày tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng ngày 11-12/2/2018 + 74 ngày tiền lãi của khoản vay 19.000.000đồng ngày 26/7/2018 + 31 ngày của khoản vay 16.000.000đồng ngày 08/10/2018 + 82 ngày tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng ngày 08/11/2018 + 07 ngày tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng ngày 08/11/2018+ 121 ngày tiền lãi của khoản vay 40.000.000đồng ngày 05/02/2019 + 157 ngày tiền lãi của khoản vay 60.000.000đồng ngày 06/6/2019 = 12.017.534 đồng. Như vậy số tiền thu lợi bất chính Công thu được từ việc cho chị Anh vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 192.932.466 đồng.

Tổng cộng từ ngày 11/02/2018 đến ngày 09/11/2019, bị cáo đã thông qua giao dịch dân sự cho 04 cá nhân vay tổng số tiền 180.000.000 đồng, với lãi suất của hành vi phạm tội là 180%/năm. Từ hành vi phạm tội, Công đã thu lợi bất chính số tiền 226.095.481 đồng.

Tại bản cáo trạng số 18/CT – VKS - HS ngày 30/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo Thái Khắc Cồn về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo Thái Khắc Công từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất theo qui định từ bị cáo Thái Khắc Công là 129.354.517 đồng (*Gồm: 50.821.915 đồng trong giao dịch với anh Thái Đình Dân. 657.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Ngô Thị Thương. 1.857.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Lê Thị Nga và 76.017.534 đồng từ tiền gốc và lãi suất từ giao dịch với chị Nguyễn Thị Tý Anh*).

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 40.000.000 đồng từ chị Ngô Thị Thương (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Thương vay, chị Thương chưa hoàn trả);

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 30.000.000 đồng từ chị Lê Thị Nga (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Nga vay, chị Nga chưa hoàn trả);

- Buộc bị cáo Thái Khắc Công pH hoàn trả số tiền lãi suất vượt quá cho anh Thái Đình Dân: 6.678.083 đồng; chị Ngô Thị Thương: 5.342.466 đồng; chị Lê Thị Nga: 1.142.466 đồng và chị Nguyễn Thị Tý Anh 72.932.466 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 11/02/2018 đến ngày 9/11/2019 tại nhà ở của Thái Khắc Công thuộc xóm Thịnh Tâm (mới) – Xóm 14 (cũ), xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Thái Khắc Công đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính đối với anh Thái Đình Dân số tiền 6.678.083 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng), chị Ngô Thị Thương số tiền 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng), chị Lê Thị Nga số tiền 21.142.466 đồng (Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), chị Nguyễn Thị Tý Anh số tiền 192.932.466 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng số tiền Thái Khắc Công thu lợi bất chính là 226.095.481 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng)

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 BLHS. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 226.095.481 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi một đồng) nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội

Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính; ảnh hưởng nghiêm trọng đến các giao dịch dân sự; mặt khác hành vi của bị cáo còn thể hiện tính chất bóc lột, trái với pháp luật và đạo đức xã hội, đẩy gia đình người vay tiền vào hoàn cảnh khốn cùng, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Bản thân bị

cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi bất chính, coi thường pháp luật, bất chấp đạo lý thực hiện hành vi phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh, kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đang có xu hướng gia tăng trên địa bàn.

Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và có 02 tình tiết giảm nhẹ là: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, có bố đẻ là ông Thái Doãn Kiệm có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Những tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, cần chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung: Theo qui định tại khoản 3 Điều 201 BLHS, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng, hiện tại bị cáo chưa có nhà riêng, không có tài sản gì có giá trị lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu, truy thu sung công toàn bộ số tiền gốc cho vay, lãi suất vượt quá trong vụ án, cụ thể:

+. Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất đúng qui định của pháp luật từ bị cáo Thái Khắc Công là 129.354.517 đồng (*Gồm: 50.821.915 đồng trong giao dịch với anh Thái Đình Dân. 657.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Ngô Thị Thương. 1.857.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Lê Thị Thương và 76.017.534 đồng từ tiền gốc và lãi suất từ giao dịch với chị Nguyễn Thị Tý Anh*).

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 40.000.000 đồng từ chị Ngô Thị Thương (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Thương vay, chị Thương chưa hoàn trả);

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 30.000.000 đồng từ chị Lê Thị Nga (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Nga vay, chị Nga chưa hoàn trả);

- Buộc bị cáo Thái Khắc Công pH hoàn trả số tiền lãi suất vượt quá cho anh Thái Đình Dân: 6.678.083 đồng; chị Ngô Thị Thương: 5.342.466 đồng; chị Lê Thị Nga: 1.142.466 đồng và chị Nguyễn Thị Tý Anh 72.932.466 đồng.

Đối với 05 (năm) quyển vở (sổ) đặc điểm khác nhau, bên trong các cuốn vở có nhiều trang giấy viết nội dung người khác vay tiền của Thái Khắc Công, các trang giấy có nội dung vay tiền được đánh số từ 01 đến 42 mà Cơ quan công an thu giữ — là chứng cứ chứng minh, xác định hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu tại hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Thái Khắc Công phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Thái Khắc Công 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 09 tháng 11 năm 2019 đến ngày 18 tháng 11 năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất đúng qui định của pháp luật từ bị cáo Thái Khắc Công là 129.354.517 đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm mười bảy đồng*). Trong đó: 50.821.915 đồng trong giao dịch với anh Thái Đình Dân. 657.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Ngô Thị Thương. 1.857.534 đồng tiền lãi từ giao dịch với chị Lê Thị Thương và 76.017.534 đồng từ tiền gốc và lãi suất từ giao dịch với chị Nguyễn Thị Tý Anh.

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng từ chị Ngô Thị Thương (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Thương vay, chị Thương chưa hoàn trả);

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) từ chị Lê Thị Nga (Là số tiền gốc bị cáo Thái Khắc Công cho chị Nga vay, chị Nga chưa hoàn trả);

- Buộc bị cáo Thái Khắc Công pH hoàn trả số tiền lãi suất vượt quá cho:

+. Anh: Thái Đình Dân: 6.678.083 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng);

+. Chị: Ngô Thị Thương: 5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng);

+. Chị: Lê Thị Nga: 1.142.466 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng);

+. Chị: Nguyễn Thị Tý Anh 72.932.466 đồng (Bảy mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Về án phí: Bị cáo Thái Khắc Công phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:

- Các bị cáo, NCQLNVLQ
- VKSND H. Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;
- Cơ quan THA hình sự H. Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Khánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 129/2019/HSST

Ngày: 30/12/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

- *Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Trần Văn H

+ Bà: Thái Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm

công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2019/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Thái Doãn Kiên, Sinh ngày 06/3/1983; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: xóm Vũ Vũ, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Họ tên cha: Thái Doãn Kiên, sinh năm 1952,

Họ tên mẹ: Bùi Thị Tuyết, sinh năm 1953,

Anh, chị, em ruột: Có 3 người, bị cáo là con thứ ba.

Vợ: Trần Thị Hòa, sinh năm 1985, làm ruộng tại xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương.

Con: Có 2 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/9/2019 đến ngày 19/9/2019 áp dụng biện pháp ngăn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Nguyễn Chí Nam, Sinh ngày 20/10/1986

Tên gọi khác: Nguyễn Hoài Nam.

Nơi sinh: Xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm 3, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12.

Họ tên cha: Nguyễn Chí Trung, sinh năm 1954 (Đã chết),

Họ tên mẹ: Hoàng Thị Hồng, sinh năm 1956,

Anh, Chị, em ruột: Có 5 người, bị cáo là con thứ tư.

Vợ: Trần Thị Nga, sinh năm 1987

Con: Có 3 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/9/2019 đến ngày 19/9/2019 áp dụng biện pháp ngăn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Hoàng Văn Huỳnh, sinh ngày 20/12/1987; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: xóm 3, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12.

Họ tên cha: Hoàng Văn Lợi, sinh năm 1957

Họ tên mẹ: Trần Thị Lương, sinh năm 1960 (Đã chết),

Anh, chị, em ruột: Có 4 người, bị cáo là con thứ ba.

Vợ: Nguyễn Thị H Yển, sinh năm 1994

Con: Có 2 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/9/2019 tại xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+. Anh: Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 19/09/1981. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 06, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

+. Anh: Phan Trọng Sơn, sinh ngày 16/09/1987. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 03, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Hoàng Văn Huynh, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 5.120.000 đồng.

Ngày 13/9/2019, vào lúc 16 giờ 13 phút và 16 giờ 16 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Nguyễn Chí Nam, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 8.600.000 đồng

Ngày 14/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Nguyễn Chí Nam, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 6.300.000 đồng; Ngày 14/9/2019, vào lúc 18 giờ 03 phút Nguyễn Anh Tuấn, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 4.300.000 đồng. Tổng số tiền Thái Doãn Kiên, đánh bạc với Nguyễn Chí Nam, Nguyễn Anh Tuấn là 10.600.000 đồng

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để nhận tin nhắn đánh lô, đề với nhau. Cách thức đánh đề là lấy hai số cuối của giải đặc biệt nếu người đánh, đánh trúng thì tỷ lệ là 1 ăn 70 lần; Đánh lô là lấy hai số cuối của tất cả các giải xuất hiện trong bảng kết quả, mỗi một điểm lô tương ứng với số tiền 23.000đ, nếu đánh trúng thì được số tiền 80.000đ, nếu số lô xuất hiện ở nhiều giải thưởng thì người trúng được nhân lên tương ứng với các số lô đã xuất hiện trong kết quả xổ số. Số xiên 2 đặt cược hai con số nếu trúng tỷ lệ được thua 1 gấp 10 lần ; Số xiên 3 đặt cược 03 con số, nếu trúng tỷ lệ được thua 1 gấp 40 lần và đều dựa vào kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để đối chiếu xác định kết quả.

Với cách thức đánh như vậy, Thái Doãn Kiên đã sử dụng số điện thoại của Kiên để nhận tin nhắn đánh lô, đề với bị cáo và các đối tượng khác, cụ thể:

- **Thái Doãn Kiên và Nguyễn Chí Nam đánh bạc với nhau:** Ngày 13/9/2019, vào lúc 16 giờ 13 phút và 16 giờ 16 phút Nguyễn Chí Nam dùng điện thoại di động có số điện thoại 0984.275.703 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0977.114.773 của Thái Doãn Kiên, để đánh số lô, số đề với Kiên thì được Kiên đồng ý. Nguyễn Chí Nam, đánh số lô 84, 50, 57, 75 mỗi số 50 điểm. Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Nam. Tổng tiền đánh 4.600.000 đồng. Sau khi có kết quả sổ số miền Bắc mở thưởng thì Nam trúng số lô 84 = 50 điểm tương ứng số tiền 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh và trúng là 8.600.000 đồng, các bị cáo chưa thanh toán tiền thắng, thua cho nhau.

Ngày 14/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút Nguyễn Chí Nam dùng điện thoại di động có số điện thoại 0984.275.703 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0977.114.773 của Thái Doãn Kiên, để đánh số lô, số đề với Kiên thì được Kiên đồng ý. Nguyễn Chí Nam, đánh số lô 34, 98 mỗi số 50 điểm. Kiên đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Nam. Tổng tiền đánh 2.300.000 đồng. Sau khi có kết quả sổ số miền Bắc mở thưởng thì Nam trúng số lô 34 = 50 điểm tương ứng số tiền 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh và trúng là 6.300.000 đồng, các bị cáo chưa thanh toán tiền thắng, thua cho nhau.

Ngày 15/9/2019, vào lúc 17 giờ 47 phút Nguyễn Chí Nam dùng điện thoại di động có số điện thoại 0984.275.703 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0977.114.773 của Thái Doãn Kiên, để đánh số lô, số đề với Kiên thì được Kiên đồng ý. Nguyễn Chí Nam, đánh số lô 37, 86 mỗi số 50 điểm; Đề 81 = 200.000 đồng. Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Nam. Tổng tiền đánh 2.500.000 đồng, Nam chưa thanh toán tiền cho Kiên. Sau khi có kết quả sổ số miền Bắc mở thưởng thì Nam không trúng số nào.

- Thái Doãn Kiên và Hoàng Văn Huynh đánh bạc với nhau:

Ngày 12/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút Hoàng Văn Huynh, dùng điện thoại di động có số điện thoại 0964.427.645 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0977.114.773 của Thái Doãn Kiên, đề đánh số lô, số đề với Thái Doãn Kiên thì được Kiên đồng ý. Hoàng Văn Huynh, đánh số lô 88, 24, 42 mỗi số 30 điểm; Đề 72, 52, 47, 57 mỗi số = 25. 000 đồng; Xiên (72, 88), (87, 21) mỗi xiên = 200.000 đồng; Xiên (87, 96, 42) = 100. 000 đồng; Xiên (66, 87, 72) = 50.000đồng, Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Huynh. Tổng tiền đánh 2.720.000 đồng. Sau khi có kết quả số số miền Bắc mở thưởng thì Huynh trúng số lô 24 = 30 điểm, tương ứng số tiền 2.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh và trúng là 5.120.000 đồng, các bị cáo chưa thanh toán tiền thắng, thua cho nhau.

Ngoài ra trong quá trình điều tra còn chứng minh được bị can Thái Doãn Kiên còn thực hiện hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức ghi lô, đề với Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn nhưng số tiền dùng để “Đánh bạc” không đủ mức xử lý về hình sự, cụ thể như sau:

Ngày 11/9/2019, vào lúc 17 giờ 43 phút Nguyễn Anh Tuấn, dùng điện thoại di động có số điện thoại 0983.249.371 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0334431226 của Thái Doãn Kiên, đề đánh số lô, số đề với Thái Doãn Kiên thì được Kiên đồng ý. Nguyễn Anh Tuấn, đánh số đề 28 = 1.000.000 đồng Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Tuấn. Sau khi có kết quả số số miền Bắc mở thưởng thì Tuấn không trúng. Tuấn chưa thanh toán tiền cho bị cáo Kiên.

Ngày 14/9/2019, vào lúc 18 giờ 03 phút Nguyễn Anh Tuấn, dùng điện thoại di động có số điện thoại 0983.249.371 của mình nhắn tin đến số điện thoại 0334431226 của Thái Doãn Kiên, đề đánh số lô, số đề với Thái Doãn Kiên thì được Kiên đồng ý. Nguyễn anh Tuấn, đánh số lô 33, 88, 83, 81 mỗi số 25 điểm. Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận đồng ý đánh bạc với Tuấn. Tổng tiền đánh 2.300.000 đồng. Sau khi có kết quả số số

miền Bắc mở thưởng thì Tuấn, trúng số lô 83 = 25 điểm, tương ứng số tiền 2.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh và trúng là 4.300.000 đồng, Kiên và Nguyễn Anh Tuấn, chưa thanh toán tiền thắng, thua cho nhau.

Ngày 16/9/2019 Phan Trọng Sơn, sử dụng tài khoản Zalo có tên “Phan Trọng Sơn” của mình nhắn tin đến tài khoản Zalo có tên “Doãn Kiên” của Thái Doãn Kiên, đề đánh bạc bằng hình thức ghi số, số đề với nhau, thì được Thái Doãn Kiên, đồng ý. Phan Trọng Sơn, đánh số lô 90, 01, 76, 18, 81 mỗi số 5 điểm; Đề 05, 08, 60, 43, 00, 86, 76, 93, 59 mỗi con = 10.000 đồng. Thái Doãn Kiên, đồng ý nhận đánh và nhắn tin trả lời OK để xác nhận. Tổng tiền đánh 665.000 đồng, Phan Trọng Sơn, chưa thanh toán tiền cho Kiên. Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày khi chưa có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc cùng ngày mở thưởng thì Thái Doãn Kiên bị bắt.

Tại bản cáo trạng số 01/CT – VKS - HS ngày 02/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo Thái Doãn Kiên, Nguyễn Chí Nam, Hoàng Văn Huynh về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Thái Doãn Kiên từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Nam từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Văn Huynh từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

*. Xử lý vật chứng: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền dùng để đánh bạc trái phép của các bị cáo và các đối tượng Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 12/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Hoàng Văn Huynh, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 5.120.000 đồng.

Ngày 13/9/2019, vào lúc 16 giờ 13 phút và 16 giờ 16 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Nguyễn Chí Nam, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn

Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 8.600.000 đồng

Ngày 14/9/2019, vào lúc 16 giờ 23 phút tại địa bàn huyện Đô Lương. Nguyễn Chí Nam, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 6.300.000 đồng; Ngày 14/9/2019, vào lúc 18 giờ 03 phút Nguyễn Anh Tuấn, thực hiện hành vi đánh bạc với Thái Doãn Kiên, bằng hình thức ghi lô, đề qua tin nhắn điện thoại với tổng số tiền là 4.300.000 đồng. Tổng số tiền Thái Doãn Kiên, đánh bạc với Nguyễn Chí Nam, Nguyễn Anh Tuấn là 10.600.000 đồng

Hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lô, đề của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 BLHS. Số tiền các bị cáo đánh bạc trái phép dưới 50.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội

Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, đồng phạm giản đơn, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tội phạm khác. Bản thân các bị cáo đều là những thanh niên trưởng thành, được gia đình cho ăn học đầy đủ, có sức khỏe nhưng lười lao động, háo lợi bất chính nên đã phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa các bị cáo ra xét xử kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn tệ nạn đánh bạc trái phép trên địa bàn.

Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo trong vụ án:

Đối với bị cáo Thái Doãn Kiên tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ là ông Thái Doãn Kiệm có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; Sau khi phạm tội đã có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ

quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án như nộp lại điện thoại là phương tiện nhắn tin đánh bạc, số tiền dùng để đánh bạc. Những tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt; Nhân thân bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thì chưa cần thiết cách ly, cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ giáo dục để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án nên mức hình phạt pH cao hơn các bị cáo khác, mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng và đúng mức, cần chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Chí Nam tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; Sau khi phạm tội đã có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án như nộp lại điện thoại là phương tiện nhắn tin đánh bạc, số tiền dùng để đánh bạc. Những tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt; Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thì chưa cần thiết cách ly, cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ giáo dục để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Bị cáo giữ vai trò sau bị cáo Kiên nên được hưởng mức hình phạt thấp hơn, mức hình phạt từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng và đúng mức, cần chấp nhận.

Đối với bị cáo Hoàng Văn Huynh tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào nhưng có 04 tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; Sau khi phạm tội đã có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án như nộp lại điện thoại là phương tiện nhắn tin đánh bạc, số tiền dùng để đánh bạc. Những tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt; Bị cáo nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có vai trò thấp nhất trong vụ án nên chưa cần thiết cách ly, cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ giáo dục để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng và đúng mức, cần chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Các bị cáo công việc, thu nhập không ổn định (Bị cáo Kiên làm nghề dán nilon trang trí xe máy, bị cáo Nam và Huỳnh đang thất nghiệp), đang ở chung nhà với bố mẹ nên nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

Đối với các đối tượng Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn do số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, các đối tượng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc; Không thuộc trường hợp bị kết án về tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc chưa được xóa án tích, chưa đủ căn cứ khởi tố về tội đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương đã xử lý hành chính là đúng quy định.

- Về vật chứng của vụ án: Số tiền các bị cáo và Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn dùng để đánh bạc trái phép và điện thoại dùng làm phương tiện liên lạc đánh bạc trái phép cần tịch thu, sung quỹ nhà nước

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Thái Doãn Kiên, Nguyễn Chí Nam, Hoàng Văn Huynh phạm tội “Đánh bạc”.

2. Điều luật và mức hình phạt:

- **Đối với bị cáo Thái Doãn Kiên:** Căn cứ khoản 1, Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Thái Doãn Kiên 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt là 09 ngày. Bị cáo còn pH chấp hành 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng 21 (Hai mươi một) ngày.

Giao bị cáo cho UBND xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- **Đối với bị cáo Nguyễn Chí Nam:** Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Nam 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt là 09 ngày. Bị cáo còn pH chấp hành 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 21 (Hai mươi một) ngày.

Giao bị cáo cho UBND xã Thái Sơn, huyện Đô Lương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ

ngày UBND xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- **Đối với bị cáo Hoàng Văn Huynh:** Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 36, Điều 58, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Huynh 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho UBND xã Thái Sơn, huyện Đô Lương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước toàn bộ số tiền dùng để đánh bạc trái phép của các bị cáo và Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn cụ thể: Thái Doãn Kiên 12.400.000 đồng; Nguyễn Chí Nam 9.400.000 đồng; Hoàng Văn Huynh 2.720.000 đồng; Nguyễn Anh Tuấn 3.300.000 đồng; Phan Trọng Sơn 665.000đồng. Tổng cộng 28.485.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo giấy nộp tiền vào tài khoản 3949.0.1053629.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện Đô Lương của Công an huyện Đô Lương ngày 13 tháng 11 năm 2019.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ điện thoại mà các bị cáo và Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Sơn dùng để liên lạc đánh bạc gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 PRIME, màu đen, có sim số điện thoại 0977.114.773 và 0856612773 của Thái Doãn Kiên; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105, màu đen, có sim số điện thoại 0334431226 của bị can Thái Doãn Kiên. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu

SAMSUNG M20, màu đen, có sim số điện thoại 0984.275.703 của Nguyễn Chí Nam. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại F1 PLUS, màu hồng, có gắn sim số 0964.427.645 của Hoàng Văn Huynh. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 105, màu đen, có gắn sim số 0983.249.371 của Nguyễn Anh Tuấn. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A37, màu hồng của Phan Trọng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 12 năm 2019

5. Về án phí: Các bị cáo Thái Doãn Kiên, Nguyễn Chí Nam, Hoàng Văn Huynh mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các bị cáo.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- VKSND H. Đô Lương;

- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;

- Cơ quan THA hình sự H. Đô Lương;

- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;

- TAND tỉnh Nghệ An;

- VKSND tỉnh Nghệ An;

- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 7/2018 Đào Tất Tình đã thực hiện 21 vụ trộm cắp tài sản là xe máy của 21 người bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 270.000.000 đồng. Nguyễn Đình Khai cùng với Đào Tất Tình đã thực hiện 20 vụ trộm cắp tài sản là xe máy của 20 người bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 258.000.000 đồng. Nguyễn Văn Đông cùng với Đào Tất Tình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản là xe máy gây thiệt hại 12.000.000 đồng. Ngoài ra Nguyễn Văn Đông còn có hành vi tàng trữ 0,3 gam ma túy tổng hợp Methamphetamine mục đích để sử dụng cá nhân. Hoàng Văn Dũng tiêu thụ 03

xem này do Đào Tất tình và Nguyễn Đình Khai trộm cắp, trị giá 37.000.000đồng.

Ngoài các hành vi trên, Đào Tất Tình, Nguyễn Văn Đông còn khai nhận đã trộm 02 xem máy khác nữa. Đào Tất Tình, Nguyễn Đình Khai còn khai nhận đã trộm 04 xe máy khác nữa. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được bị hại và các đối tượng đã mua xe nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Đào Tất Tình, Nguyễn Đình Khai, Nguyễn Văn Đông đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Trị giá tài sản mà bị cáo Đào Tất Tình và Nguyễn Đình Khai chiếm đoạt của người bị hại có trị giá 270.000.000 đồng và 258.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố bị cáo Nguyễn Tất Tình, Nguyễn Đình Khai theo điểm 3 khoản 3 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 12.000.000 đồng và hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma Ty của các bị cáo Nguyễn Văn Đông đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” theo quy định tại Điều 173, 249 Bộ luật hình sự. Số lượng ma Ty (Methamphetamine) bị cáo tàng trữ trái phép là 0,3 gam nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi tiêu thụ tài sản của Hoàng Văn Dũng biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có, tuy không hứa hẹn trước nhưng vẫn mua bán, trao đổi đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do trị giá tài sản, vật phạm pháp trị giá 37.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 323 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đồng phạm chặt chẽ, diễn ra trong thời gian dài đối với hành vi trộm cắp tài sản, hành

vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật B vệ, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về việc cất giữ chất ma Ty; xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, làm mất trật tự trị an trên địa bàn huyện, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Cách thức thực hiện hành vi ngang nhiên, coi thường pháp luật. Vì vậy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vai trò của bị cáo trong vụ án:

- Đối với bị cáo Đào Tất Tình: Tham gia vụ án với vai trò chính cùng với Nguyễn Đình Khai thực hiện 20 hành vi và Nguyễn Văn Đông 01 hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và có bác ruột là Đào Tất Tốn là liệt sỹ, bà nội là Đậu Thị Khiêu có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù là thỏa đáng và đúng mức. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình Khai: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm cùng với Đào Tất Tình thực hiện 20 hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù là thỏa đáng và đúng mức. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đông: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm cùng với Đào Tất Tình thực hiện 01 hành vi trộm cắp tài sản và tàng trữ

trái phép chất ma Ty. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 15 đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 24 đến 30 tháng tù là phù hợp. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn Dũng: Mặc dù biết rõ tài sản do Tình, Khai phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù là thỏa đáng.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên, nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với những người đã mua lại xe máy của Đào Tất Tình, Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Đình Khai do trộm cắp mà có là Nguyễn Cảnh Thực, Nguyễn Thị Hương, Đặng Ngọc Nga, Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Thế Thảo, Nguyễn Quang Đại, Nguyễn Quang Phúc, Nguyễn Thành Hành, Nguyễn Văn Song, Nguyễn Thị Văn, Nguyễn Văn Lực, Trần Trung Hiếu, Nguyễn Thúc Trị, Lưu Văn Sang. Tuy nhiên khi mua xe máy những người này đều không biết được đây là tài sản do trộm cắp mà có. Hành vi của họ không cấu thành tội phạm, không có cơ sở để xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe máy Jupiter BKS – 3738 do Nguyễn Công Đức sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, chiếc xe thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Công Trung. Anh Trung không biết việc bị cáo dùng xe để đi trộm cắp nên cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý là đúng quy định.

- Về dân sự: Bị cáo thông qua bố đẻ của mình là ông Nguyễn Công Trung bồi thường đầy đủ thiệt hại cho anh Võ Văn Thịnh, anh Thịnh không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Về vật chứng của vụ án: 01 khóa dây dài 60cm, đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2018 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo PH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công Đức phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công Đức 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/10/2018)

Giao bị cáo cho UBND xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Công Đức.

3. Về dân sự: Miễn xét.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 khóa dây dài 60cm, đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2018.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Công Đức pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- BC, NBH, NCQLNVLQ;
- VKSND H. Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN ĐÔ LƯƠNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: /2019/HSST

Ngày: 24/04/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

- Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Trần Văn Luyện

+ Ông: Nguyễn Tất Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nguyên Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28/06/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2019/HSST ngày 03/04/2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Hữu H Phú, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1994

Địa chỉ: Xóm 05, xã Quang Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Con ông: Lê Hữu Tâm, sinh năm 1968

Con bà: Lê Thị Hòa, sinh năm 1974

Anh, chị em ruột: 02 người, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 cho đến ngày 30/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Hoàng Văn B, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1994

Địa chỉ: Xóm 06, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Con ông: Hoàng Văn Mỹ, sinh năm 1966

Con bà: Hoàng Thị Nguyệt, sinh năm 1977

Anh, chị em ruột: 02 người, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2019 cho đến nay tại trại tạm giam thuộc công an tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 05/11/2018 đến ngày 15/11/2018 Lê Hữu H Phú đã nhận tin nhắn đánh bạc bằng hình thức lô, đề trái phép với Hoàng Văn B cụ thể:

- Ngày 05/11/2018 đánh với số tiền 8.400.000đ (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Ngày 06/11/2018 đánh với số tiền là 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*).

- Ngày 07/11/2018 đánh với số tiền là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

- Ngày 08/11/2018 đánh với số tiền là 7.400.000đ (*Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Ngày 09/11/2018 đánh với số tiền là 19.450.000đ (*Mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Ngày 10/11/2018 đánh với số tiền là 5.400.000đ (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Ngày 11/11/2018 đánh với số tiền là 4.800.000đ (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Ngày 12/11/2018 đánh với số tiền là 4.600.000 đ (*Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Ngày 13/11/2018 đánh với số tiền là 4.600.000đ (*Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Ngày 14/11/2018 đánh với số tiền là 25.400.000 đ (*Hai lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Ngày 15/11/2018 đánh với số tiền là 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận chiều ngày 05/11/2018 Lê Hữu H Phú căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để nhận tin nhắn đánh lô, đề của người khác. Cách thức đánh đề là lấy hai số cuối của giải đặc biệt nếu người đánh, đánh trúng thì tỷ lệ là 1 ăn 70 lần; Đánh lô là lấy hai số cuối của tất cả các giải xuất hiện trong bảng kết quả, mỗi một điểm lô tương ứng với số tiền 23.000đ, nếu đánh trúng thì được số tiền 80.000đ, nếu số lô xuất hiện ở nhiều giải thưởng thì người trúng được nhân lên tương ứng với các số lô đã xuất hiện trong kết quả xổ số.

Xiên đôi được quy định là một cặp số gồm hai số cuối xuất hiện ở tất cả các giải thưởng trong bảng kết quả, mỗi một số xiên đôi nếu trúng thì tỷ lệ thắng là 1 ăn 100; Số xiên ba được quy định 1 xiên gồm ba số mà trong đó mỗi số là hai chữ số cuối của mỗi số xuất hiện ở tất cả các giải thưởng trong bảng kết quả, mỗi một số xiên ba nếu trúng thì tỷ lệ thắng là 1 ăn 400; Số ba càng được quy định là ba số cuối của giải đặc biệt, khi báo một số ba càng nếu trúng thì tỷ lệ thắng là 1 ăn 400 lần.

Với cách thức như vậy vào chiều ngày 05/11/2018 Lê Hữu H Phú đã nhận tin nhắn đánh bạc dưới hình thức lô, đề ề với Hoàng Văn B. Cụ thể B đánh với Phú: Lô 96, 85 mỗi số 150 điểm; Xiên đôi 23-50 số tiền 1.000.000đ; Xiên đôi 05-15 số tiền 500.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 8.400.000đ (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

- Vào ngày 06/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 28 – 200 điểm, số lô 82 – 100 điểm. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

- Vào ngày 07/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 73 – 200 điểm, số lô 37 – 100 điểm; Xiên ba (73-94-05) số tiền 500.000đ; Đề 63, 64, 65 mỗi số 200.000đ. Tổng số tiền mà Phú và B ghi số lô, số đề trái phép là

8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B trúng số lô 37 – 100 điểm, tương ứng với số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Như vậy tổng số tiền đánh bạc trong ngày 07/11/2018 giữa Phú và B là 16.000.000 đ (*Mười sáu triệu đồng*).

+ Vào ngày 08/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 86 – 200 điểm, số lô 03 – 100 điểm; các số đề 36, 56, 14, 86, 34 mỗi số 100.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 7.400.000đ (*Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 09/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 56, 65 mỗi số 150 điểm: Số xiên bốn (35,82,92,16) số tiền 300.000đ; Các số đề 24, 42, 22, 44 mỗi số 50.000đ; Số ba càng 422 số tiền 50.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 7.450.000đ (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng thì B trúng số lô 56 – 150 điểm, tương ứng với số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

Như vậy tổng số tiền đánh bạc trong ngày 09/11/2018 giữa Phú và B là 19.450.000 đ (*Mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Vào ngày 10/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 65, 56 mỗi số 100 điểm; Số xiên ba (12-24-56) số tiền 500.000đ; Các số đề 54, 45, 34, 43, 04, 40 mỗi số 50.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 5.400.000đ (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 11/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 56, 65 mỗi số 100 điểm; Các số đề 34, 43, 58, 85 mỗi số 50.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 4.800.000đ (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 12/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 18, 81 mỗi số 100 điểm. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là

4.600.000 đ (*Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 13/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 48, 84 mỗi số 100 điểm. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 4.600.000đ (*Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào.

+ Vào ngày 14/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 03 – 200 điểm, các số lô 23, 32 mỗi số 100 điểm, các số đề 45, 88, 41, 94 mỗi số 50.000đ. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 9.400.000đ (*Chín triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B trúng số lô 03 – 200 điểm, tương ứng với số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

Như vậy tổng số tiền đánh bạc trong ngày 14/11/2018 giữa Phú và B là 25.400.000 đ (*Hai lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

+ Vào ngày 15/11/2018 Phú nhận tin nhắn đánh lô đề với B cụ thể: Lô 24, 42 mỗi số 150 điểm. Tổng số tiền mà B và Phú ghi số lô, số đề trái phép là 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*). Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng B không trúng số nào. (BLHS: 97 – 120).

Tại bản cáo trạng số 39/CT - VKS ngày 02/4//2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo Lê Hữu H Phú và Hoàng Văn B về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Lê Hữu H Phú từ 10 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 07 đến 09 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

*. Xử lý Vật chứng:

- Tịch thu, sung công toàn bộ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép đã giao nhận cho nhau từ ngày 05/11/2018 đến ngày 15/11/2018, cụ thể: Bị cáo Lê Hữu H Phú 143.600.000 đồng; bị cáo Hoàng Văn B: 36.000.000 đồng.

- Tịch thu, sung công 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, màu vàng, dùng sim số 0369.650.396 của Hoàng Văn B dùng làm phương tiện liên lạc đánh bạc trái phép theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2019).

Các bị cáo đều nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong thời gian từ ngày 05/11/2018 đến ngày 15/11/2018 Lê Hữu H Phú đã nhận tin nhắn đánh bạc trái phép dưới hình thức lô đề với Hoàng Văn B 10 lần với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 179.600.000 đồng.

Hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lô, đề của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 BLHS. Vì vậy Viện

kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, đồng phạm giản đơn, phạm tội nhiều lần, số tiền dùng để đánh bạc nhiều, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tội phạm khác. Bản thân các bị cáo đều là những thanh niên trưởng thành, được gia đình cho ăn học đầy đủ, có sức khỏe nhưng lười lao động, háms lợi bất chính nên đã phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa các bị cáo ra xét xử kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn tệ nạn đánh bạc trái phép trên địa bàn, cần pH cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo trong vụ án:

Tại thời điểm phạm tội cả hai bị cáo đều có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 03 tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Lê Hữu H Phú có ông bà ngoại là Lê Quang Hữu – Lê Thị Hữu có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo Hoàng Văn B có ông ngoại là Hoàng Xuân Mận có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo phần nào hình phạt để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, do các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án nên mức hình phạt 12 đến 15 tháng tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo sống chung với bố mẹ, lao động tự do, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép và điện thoại dùng làm phương tiện liên lạc đánh bạc trái phép cần tịch thu sung công.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu H Phú và Hoàng Văn B phạm tội “Đánh bạc”

2. Xử phạt:

- Bị cáo Lê Hữu H Phú 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 30/01/2019.

- Bị cáo Hoàng Văn B 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 16/01/2019).

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung công toàn bộ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc từ ngày 05/11/2018 đến ngày 15/11/2018, cụ thể: Bị cáo Lê Hữu H Phú 143.600.000 đồng; bị cáo Hoàng Văn B: 36.000.000 đồng.

- Tịch thu, sung công 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, màu vàng, dùng sim số 0369.650.396 của Hoàng Văn B dùng làm phương tiện liên lạc đánh bạc trái phép (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2019).

5. Về án phí: Các bị cáo Lê Hữu H Phú và Hoàng Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:

- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- VKSND H. Đô Lương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;
- Cơ quan THA hình sự H. Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Khánh

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 7/2018 Đào Tất Tình đã thực hiện 21 vụ trộm cắp tài sản là xe máy của 21 người bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 270.000.000 đồng. Nguyễn Đình Khai cùng với Đào Tất Tình đã

thực hiện 20 vụ trộm cắp tài sản là xe máy của 20 người bị hại với tổng giá trị thiệt hại là 258.000.000 đồng. Nguyễn Văn Đông cùng với Đào Tất Tình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản là xe máy gây thiệt hại 12.000.000 đồng. Ngoài ra Nguyễn Văn Đông còn có hành vi tàng trữ 0,3 gam ma Ty tổng hợp Methamphetamine mục đích để sử dụng cá nhân. Hoàng Văn Dũng tiêu thụ 03 xem này do Đào Tất tình và Nguyễn Đình Khai trộm cắp, trị giá 37.000.000đồng.

Ngoài các hành vi trên, Đào Tất Tình, Nguyễn Văn Đông còn khai nhận đã trộm 02 xem máy khác nữa. Đào Tất Tình, Nguyễn Đình Khai còn khai nhận đã trộm 04 xe máy khác nữa. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được bị hại và các đối tượng đã mua xe nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Đào Tất Tình, Nguyễn Đình Khai, Nguyễn Văn Đông đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Trị giá tài sản mà bị cáo Đào Tất Tình và Nguyễn Đình Khai chiếm đoạt của người bị hại có trị giá 270.000.000 đồng và 258.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố bị cáo Nguyễn Tất Tình, Nguyễn Đình Khai theo điểm 3 khoản 3 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 12.000.000 đồng và hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma Ty của các bị cáo Nguyễn Văn Đông đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” theo quy định tại Điều 173, 249 Bộ luật hình sự. Số lượng ma Ty (Methamphetamine) bị cáo tàng trữ trái phép là 0,3 gam nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi tiêu thụ tài sản của Hoàng Văn Dũng biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có, tuy không hứa hẹn trước nhưng vẫn mua bán, trao đổi đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do trị

giá tài sản, vật phạm pháp trị giá 37.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 323 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đồng phạm chặt chẽ, diễn ra trong thời gian dài đối với hành vi trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật B vệ, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về việc cất giữ chất ma Ty; xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, làm mất trật tự trị an trên địa bàn huyện, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Cách thức thực hiện hành vi ngang nhiên, coi thường pháp luật. Vì vậy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vai trò của bị cáo trong vụ án:

- Đối với bị cáo Đào Tất Tình: Tham gia vụ án với vai trò chính cùng với Nguyễn Đình Khai thực hiện 20 hành vi và Nguyễn Văn Đông 01 hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và có bác ruột là Đào Tất Tốn là liệt sỹ, bà nội là Đậu Thị Khiêu có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù là thỏa đáng và đúng mức. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình Khai: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm cùng với Đào Tất Tình thực hiện 20 hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo,

khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù là thỏa đáng và đúng mức. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đông: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm cùng với Đào Tất Tình thực hiện 01 hành vi trộm cắp tài sản và tàng trữ trái phép chất ma Ty. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BHLS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 15 đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 24 đến 30 tháng tù là phù hợp. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn Dũng: Mặc dù biết rõ tài sản do Tình, Khai phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù là thỏa đáng.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên, nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với những người đã mua lại xe máy của Đào Tất Tình, Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Đình Khai do trộm cắp mà có là Nguyễn Cảnh Thực, Nguyễn Thị Hương, Đặng Ngọc Nga, Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Thế Thảo, Nguyễn Quang Đại, Nguyễn Quang Phúc, Nguyễn Thành Hành, Nguyễn Văn Song,

Nguyễn Thị Văn, Nguyễn Văn Lực, Trần Trung Hiếu, Nguyễn Thúc Trị, Lưu Văn Sang. Tuy nhiên khi mua xe máy những người này đều không biết được đây là tài sản do trộm cắp mà có. Hành vi của họ không cấu thành tội phạm, không có cơ sở để xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe máy Jupiter BKS – 3738 do Nguyễn Công Đức sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, chiếc xe thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Công Trung. Anh Trung không biết việc bị cáo dùng xe để đi trộm cắp nên cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý là đúng quy định.

- Về dân sự: Bị cáo thông qua bố đẻ của mình là ông Nguyễn Công Trung bồi thường đầy đủ thiệt hại cho anh Võ Văn Thịnh, anh Thịnh không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Về vật chứng của vụ án: 01 khóa dây dài 60cm, đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2018 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo PH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công Đức phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công Đức 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/10/2018)

Giao bị cáo cho UBND xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Công Đức.

3. Về dân sự: Miễn xét.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 khóa dây dài 60cm, đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2018.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Công Đức pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- BC, NBH, NCQLNVLQ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND H. Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

